

**BỘ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG – XÃ HỘI**

**BẢN MÔ TẢ  
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

**NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG**

**TRÌNH ĐỘ: ĐẠI HỌC**

**MÃ NGÀNH: 7340201**

**Hà Nội, 2021**

## MỤC LỤC

<b>I. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO .....</b>	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
1.1. Giới thiệu chương trình đào tạo .....	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
1.2. Thông tin chung .....	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
1.3. Triết lý giáo dục, sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
1.4. Mục tiêu của chương trình đào tạo (Program goals)	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
1.5. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)...	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
1.6. Cơ hội việc làm và học tập sau đại học .....	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
1.7. Tiêu chí tuyển sinh, quá trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
1.8. Chiến lược giảng dạy và học tập (TLMs) .....	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
1.9. Các phương pháp đánh giá (AMs) .....	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
1.10. Mô tả sự liên hệ giữa Chuẩn đầu ra (PLOs), học phần, phương pháp dạy và học (TLMs) và phương pháp đánh giá (AMs).....	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
<b>II. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY .....</b>	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
2.1. Cấu trúc chương trình giảng dạy.....	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
2.2. Các khối kiến thức chương trình giảng dạy .....	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
2.3. Danh sách học phần .....	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
2.4. Ma trận đáp ứng giữa các học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
2.5. Ma trận Chiến lược phương pháp dạy và học của các học phần nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra.....	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
2.6. Ma trận phương pháp đánh giá của các học phần nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
2.7. Tiến trình giảng dạy .....	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
2.8. Mô tả tóm tắt nội dung các học phần .....	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
2.9. Đối sánh CTĐT với Trường Đại học trong và ngoài nước đã tham khảo	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
<b>III. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO .....</b>	<b>.....100</b>

# I. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

## 1.1. Giới thiệu chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo (CTĐT) ngành Tài chính – Ngân hàng trình độ đại học trường Đại học Lao động – Xã hội, mã ngành 7340201 đào tạo theo hệ thống tín chỉ. CTĐT được hoàn thiện theo Thông tư 07/2015/TT- BGDDĐT ngày 16/04/2015 của Bộ GDĐT quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp. Chương trình đào tạo ngành Tài chính – Ngân hàng nhằm đào tạo Cử nhân Tài chính – Ngân hàng, có phẩm chất chính trị, đạo đức, có đủ kiến thức nền tảng và toàn diện, kỹ năng mềm, kỹ năng nghề nghiệp, tác phong nghề nghiệp, có trình độ ngoại ngữ và công nghệ thông tin để có thể giữ các vị trí chuyên môn tại các tổ chức, đơn vị sau khi ra trường.

## 1.2. Thông tin chung

**Bảng 1.1. Thông tin chung về chương trình đào tạo ngành Tài chính- Ngân hàng**

1. Tên chương trình đào tạo	Tài chính – Ngân hàng ( <b>Finance - Banking</b> )
2. Mã ngành đào tạo	7340201
3. Trình độ đào tạo	Đại học chính quy
4. Thời gian đào tạo	4 năm
5. Tên gọi văn bằng	Cử nhân Tài chính – Ngân hàng
6. Trường cấp bằng	Trường Đại học Lao động – Xã hội
7. Khoa quản lý	Kế toán
8. Số tín chỉ yêu cầu	121 tín chỉ tích lũy + Giáo dục thể chất + Giáo dục quốc phòng an ninh không tích lũy
9. Website	<a href="http://www.uls.edu.vn">www.uls.edu.vn</a>
10. Fanpage	<a href="https://www.facebook.com/KhoaKetoanTruongDaihocLaoDong-XaHoi/">www.Facebook.com/Khoa Kế toán, Trường Đại học Lao động – Xã hội/</a>
11. Ban hành	Quyết định số...../QĐ-ĐHLĐXH, ngày.... Tháng.... Năm.....

## 1.3. Triết lý giáo dục, sứ mạng, tầm nhìn và hệ thống giá trị

### 1.3.1. Triết lý giáo dục

**1.3.2. Sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi của Trường Đại học Lao động – Xã hội và Khoa Tài chính – Ngân hàng**

**Bảng 1.2: Sứ mệnh, tầm nhìn và giá trị cốt lõi**

	<b>Trường ĐH Lao động – Xã hội</b>	<b>Khoa Kế toán</b>
<b>Tầm nhìn</b>	Đến năm 2030, Trường Đại học Lao động – Xã hội trở thành trường Đại học hàng đầu Việt Nam trong đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao thuộc lĩnh vực lao động - xã hội, kinh tế có kỹ năng thực hành nghề nghiệp thành thạo, năng động, sáng tạo trong công việc, đạo đức nghề nghiệp chuẩn mực; trở thành trung tâm nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế có uy tín trong khu vực ASEAN	Khoa Kế toán là một trong những khoa hàng đầu của Trường ĐH Lao động – Xã hội cung cấp hoạt động đào tạo, nghiên cứu, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán và tài chính ngân hàng. Đến năm 2030, Khoa Kế toán phấn đấu nằm trong danh sách 10 cơ sở đào tạo ngành kế toán, kiểm toán và tài chính ngân hàng uy tín và tốt nhất Việt Nam.
<b>Sứ mạng</b>	Trường Đại học Lao động – Xã hội là cơ sở giáo dục đại học công lập duy nhất của ngành LĐTĐXH trong đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao theo định hướng ứng dụng với thế mạnh là các ngành Quản trị nhân lực, Công tác xã hội, Bảo hiểm, Kế toán và Quản trị kinh doanh; là trung tâm nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, hợp tác quốc tế trong lĩnh vực kinh tế - lao động - xã hội đáp ứng yêu cầu phát triển của Ngành, đất nước và hội nhập quốc tế	Khoa Kế toán có sứ mạng đào tạo và cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, các sản phẩm đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao tri thức trong các lĩnh vực kế toán, kiểm toán và tài chính ngân hàng; đóng góp hữu hiệu vào sự phát triển và hội nhập sâu rộng của ngành LĐTĐXH và đất nước.
<b>Giá trị cốt lõi</b>	<b><i>Chuyên nghiệp - Sáng tạo</i></b>	<b><i>Chuyên nghiệp:</i></b> nghiên cứu,

	<b>Trường ĐH Lao động – Xã hội</b>	<b>Khoa Kế toán</b>
	<b><i>Hội nhập</i></b>	giảng dạy và học tập chuyên nghiệp. <b><i>Sáng tạo:</i></b> phong cách học tập và làm việc năng động, thích ứng nhanh <b><i>Hội nhập:</i></b> Hội nhập là đối sánh và tiếp thu những thành tựu khoa học – công nghệ mới

#### **1.4. Mục tiêu của chương trình đào tạo (Program goals)**

##### **1.4.1. Mục tiêu tổng quát**

Đào tạo cử nhân đại học ngành Tài chính - Ngân hàng có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm xã hội; nắm vững kiến thức cơ bản về kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh; có kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực quản trị tài chính và nghiệp vụ ngân hàng; kỹ năng sử dụng công cụ quản lý trong tổ chức; khả năng xác định, giải quyết vấn đề quản trị lĩnh vực tài chính trong tổ chức; có khả năng thực hiện các nghiệp vụ trong ngân hàng, quản trị tài chính trong tổ chức; khả năng quản lý danh mục đầu tư trên thị trường tài chính; có tư duy độc lập; có năng lực tự học tập bổ sung kiến thức đáp ứng yêu cầu của công việc.

##### **1.4.2. Mục tiêu cụ thể:**

**PO1:** Đào tạo người học có kiến thức cơ bản về lĩnh vực khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, lý luận chính trị, pháp luật và quốc phòng – an ninh;

**PO2:** Đào tạo người học có kiến thức nền tảng và chuyên sâu về lĩnh vực tài chính ngân hàng, có khả năng thực hiện các hoạt động liên quan đến lĩnh vực ngân hàng, tài chính tại các ngân hàng, các doanh nghiệp và các tổ chức khác;

**PO3:** Đào tạo người học có năng lực ứng dụng kiến thức để phân tích, quản trị, ra quyết định trong lĩnh vực tài chính ngân hàng;

**PO4:** Có kỹ năng phân tích, tổng hợp và đánh giá một cách toàn diện các vấn đề ngân hàng; tài chính ở tầm vĩ mô và vi mô tại các doanh nghiệp, tổ chức, ngân hàng của nền kinh tế;

**PO5:** Có năng lực học tập, nghiên cứu, tự học, phát triển bản thân, linh hoạt, thích nghi với môi trường làm việc thay đổi;

**PO6:** Có kỹ năng giao tiếp hiệu quả, làm việc nhóm và các kỹ năng mềm khác nhằm thực hành nghề nghiệp và giải quyết các phát sinh liên quan đến chuyên môn đào tạo;

**PO7:** Có kỹ năng về tư duy độc lập, tư duy hệ thống và tư duy phản biện, luôn tự tin khi tiếp cận với tri thức mới để điều chỉnh cách thức làm việc sao cho phù hợp với môi trường làm việc thực tế của nghề nghiệp, sử dụng được ngoại ngữ để phục vụ cho nhu cầu của công việc trong lĩnh vực tài chính ngân hàng;

**PO8:** Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp tài chính ngân hàng, đầy đủ sức khỏe để làm việc, có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau, có năng lực lập kế hoạch, điều phối, đánh giá và cải tiến các hoạt động thuộc chuyên môn, có khả năng làm việc nhóm và phát huy trí tuệ tập thể;

**PO9:** Có ý thức tự học và rèn luyện để tích lũy thêm kiến thức, có khả năng học tập, nghiên cứu ở bậc học cao hơn để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ hay thông qua các khóa đào tạo để lấy các chứng chỉ nghề nghiệp của Việt Nam và quốc tế.

### **1.5. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)**

#### **Kiến thức:**

**PLO1:** Nhận biết, giải thích và có khả năng vận dụng được những kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, khoa học chính trị, quốc phòng - an ninh, ngoại ngữ và chính sách pháp luật của nhà nước..

**PLO2:** Nhận biết, giải thích, vận dụng các kiến thức về tài chính ngân hàng để đọc hiểu, xử lý các nghiệp vụ liên quan như: nghiệp vụ tín dụng, thanh toán quốc tế, kinh doanh ngoại hối, quản trị tài chính, lựa chọn dự án đầu tư, phân tích thị trường tài chính, đầu tư tài chính, thực hiện các nghiệp vụ cơ bản có liên quan đến ngân hàng, doanh nghiệp và tổ chức khác.

**PLO3:** Nhận biết, diễn giải, vận dụng các kiến thức chuyên sâu về tài chính ngân hàng trong xử lý tình huống thực tế tại ngân hàng; tình huống thực tế trong hoạt động tài chính của doanh nghiệp, tổ chức; ra các quyết định tài chính, phân tích diễn biến trên thị trường tài chính, quản trị các nghiệp vụ của ngân hàng và thực hiện nghiên cứu khoa học liên quan đến lĩnh vực tài chính, ngân hàng.

**PLO4:** Hiểu biết sâu sắc về các chuẩn mực, thông tư, nghị định, quy ước quốc tế,... quy định về kế toán, tài chính trong nước và quốc tế để có thể ứng dụng trong các bối cảnh nền kinh tế hội nhập.

#### **Kỹ năng:**

**PLO5:** Có kỹ năng về tư duy độc lập, sáng tạo, tư duy hệ thống và tư duy phản biện, linh hoạt và có khả năng thích nghi cao trong điều kiện môi trường làm việc không xác định cụ thể hoặc thay đổi.

**PLO6:** Có kỹ năng làm việc theo nhóm, tổ chức nhóm làm việc hiệu quả, kỹ năng viết và giao tiếp bằng lời, thuyết trình mạch lạc, thể hiện ý tưởng vấn đề cần giải quyết, kỹ năng phát hiện và đề xuất giải pháp để giải quyết vấn đề.

**PLO7:** Có kỹ năng phân tích, tổng hợp và đánh giá một cách toàn diện các vấn đề kinh tế ngân hàng, tài chính ở tầm vĩ mô và vi mô, đặc biệt là các vấn đề về quản trị tài chính trong các doanh nghiệp và các tổ chức khác cũng như các nghiệp vụ ngân hàng, các tổ chức tín dụng trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0. Có năng lực dẫn dắt chuyên môn để xử lý những vấn đề nảy sinh về tài chính tại tổ chức, các vấn đề trong nghiệp vụ tại ngân hàng và các tổ chức tín dụng. Có khả năng nghiên cứu và sử dụng các phần mềm tài chính; phần mềm tại các ngân hàng.

**PLO8:** Có khả năng đưa ra kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường, biết đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn, biết lập kế hoạch và điều phối thực hiện kế hoạch, biết phát huy trí tuệ tập thể.

#### **Mức tự chủ, chịu trách nhiệm**

**PLO9:** Có phẩm chất đạo đức trong học tập và nghề nghiệp, có trách nhiệm của công dân, trách nhiệm xã hội và trách nhiệm với tổ chức; có sức khỏe tốt để làm việc, năng động và bản lĩnh, luôn sẵn sàng làm việc trong điều kiện môi trường công việc với áp lực cao cùng tinh thần luôn cầu tiến và ham học hỏi.

**PLO10:** Có ý thức tự học để tích lũy thêm kiến thức và kinh nghiệm nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ thông qua bậc học cao hơn hay các khóa học lấy chứng chỉ nghề nghiệp của Việt Nam và quốc tế.

#### **Trình độ Ngoại ngữ và Tin học**

**PLO11:** Người học tốt nghiệp có trình độ Tiếng Anh đạt TOEIC 400 điểm hoặc tương đương.

**PLO12:** Người học tốt nghiệp có khả năng sử dụng thành thạo tin học cơ bản đạt chuẩn đầu ra quy định tại thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông hoặc tương đương. Sử dụng thành thạo phần mềm cần thiết phục vụ công việc chuyên môn.

**Bảng 1.3. Mối liên hệ giữa mục tiêu chương trình và chuẩn đầu ra chương trình**

Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)	Mục tiêu cụ thể (POs)								
	PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9
<b>CDR1 (PLO1)</b>	X				X	X	X	X	
<b>CDR2 (PLO2)</b>		X			X		X		
<b>CDR3 (PLO3)</b>		X	X	X		X	X	X	X
<b>CDR4 (PLO4)</b>			X	X	X	X	X		X
<b>CDR5 (PLO5)</b>	X	X	X	X	X		X		
<b>CDR6 (PLO6)</b>	X			X	X	X	X	X	
<b>CDR7 (PLO7)</b>	X		X	X	X	X	X	X	X
<b>CDR8 (PLO8)</b>			X	X		X	X		X
<b>CDR9 (PLO9)</b>	X				X	X		X	X
<b>CDR10 (PLO10)</b>					X	X		X	X
<b>TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ CDR11 (PLO11)</b>	X	X	X	X				X	X
<b>TRÌNH ĐỘ TIN HỌC CDR12 (PLO12)</b>	X	X	X	X		X	X		

**Bảng 1.4. Đối sánh chuẩn đầu ra CTĐT ngành Tài chính -Ngân hàng đáp ứng Khung trình độ quốc gia và Thang trình độ năng lực**

Chuẩn đầu ra	Khung trình độ quốc gia	Thang trình độ năng lực
--------------	-------------------------	-------------------------



<p><b>CĐR1 (PLO1)</b></p>	<p>Nhận biết, giải thích và có khả năng vận dụng được những kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, khoa học chính trị, quốc phòng - an ninh, ngoại ngữ và chính sách pháp luật của nhà nước.</p>	<p><b>K2</b></p>	<p><b>4</b></p>
<p><b>CĐR2 (PLO2)</b></p>	<p>Nhận biết, giải thích, vận dụng các kiến thức về tài chính ngân hàng để đọc hiểu, xử lý các nghiệp vụ liên quan như: nghiệp vụ tín dụng, thanh toán quốc tế, kinh doanh ngoại hối, quản trị tài chính, lựa chọn dự án đầu tư, phân tích thị trường tài chính, đầu tư tài chính, thực hiện các nghiệp vụ cơ bản có liên quan đến ngân hàng, doanh nghiệp và tổ chức khác.</p>	<p><b>K1, K3</b></p>	<p><b>4</b></p>
<p><b>CĐR3 (PLO3)</b></p>	<p>Nhận biết, diễn giải, vận dụng các kiến thức chuyên sâu về tài chính ngân hàng trong xử lý tình huống thực tế tại ngân hàng; tình huống thực tế trong hoạt động tài chính của doanh nghiệp, tổ chức; ra các quyết định tài chính, phân tích diễn biến trên thị trường tài chính, quản trị các nghiệp vụ của ngân hàng và thực hiện nghiên cứu khoa học liên quan đến lĩnh vực tài chính, ngân hàng.</p>	<p><b>K4, K5</b></p>	<p><b>5</b></p>
<p><b>CĐR4 (PLO4)</b></p>	<p>Hiểu biết sâu sắc về các chuẩn mực, thông tư, nghị định, quy ước quốc tế,... quy định về kế toán, tài chính trong nước và quốc tế để có thể ứng dụng trong các bối cảnh nền kinh tế hội nhập.</p>	<p><b>K3, K5, S6</b></p>	<p><b>4</b></p>
<p><b>CĐR5 (PLO5)</b></p>	<p>Có kỹ năng về tư duy độc lập, sáng tạo, tư duy hệ thống và tư duy phản biện, linh hoạt và có khả năng thích nghi cao trong điều kiện môi trường làm việc không xác định cụ</p>	<p><b>S1, S3</b></p>	<p><b>4</b></p>

	thể hoặc thay đổi.		
<b>CDR6 (PLO6)</b>	Có kỹ năng làm việc theo nhóm, tổ chức nhóm làm việc hiệu quả, kỹ năng viết và giao tiếp bằng lời, thuyết trình mạch lạc, thể hiện ý tưởng vấn đề cần giải quyết, kỹ năng phát hiện và đề xuất giải pháp để giải quyết vấn đề.	<b>S2, S5</b>	<b>4</b>
<b>CDR7 (PLO7)</b>	Có kỹ năng phân tích, tổng hợp và đánh giá một cách toàn diện các vấn đề kinh tế ngân hàng, tài chính ở tầm vĩ mô và vi mô, đặc biệt là các vấn đề về quản trị tài chính trong các doanh nghiệp và các tổ chức khác cũng như các nghiệp vụ ngân hàng, các tổ chức tín dụng trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0. Có năng lực dẫn dắt chuyên môn để xử lý những vấn đề nảy sinh về tài chính tại tổ chức, các vấn đề trong nghiệp vụ tại ngân hàng và các tổ chức tín dụng. Có khả năng nghiên cứu và sử dụng các phần mềm tài chính; phần mềm tại các ngân hàng.	<b>S2, S4</b>	<b>4</b>
<b>CDR8 (PLO8)</b>	Có khả năng đưa ra kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường, biết đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn, biết lập kế hoạch và điều phối thực hiện kế hoạch, biết phát huy trí tuệ tập thể.	<b>S5</b>	<b>5</b>
<b>CDR9 (PLO9)</b>	Có phẩm chất đạo đức trong học tập và nghề nghiệp, có trách nhiệm của công dân, trách nhiệm xã hội và trách nhiệm với tổ chức; có sức khỏe tốt để làm việc, năng động và bản lĩnh, luôn sẵn sàng làm việc	<b>C1</b>	<b>4</b>

	trong điều kiện môi trường công việc với áp lực cao cùng tinh thần luôn cầu tiến và ham học hỏi.		
<b>CDR10 (PLO10)</b>	Có ý thức tự học để tích lũy thêm kiến thức và kinh nghiệm nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ thông qua bậc học cao hơn hay các khóa học lấy chứng chỉ nghề nghiệp của Việt Nam và quốc tế.	<b>C3, C4</b>	<b>4</b>
<b>TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ CDR11 (PLO11)</b>	Người học tốt nghiệp có trình độ Tiếng Anh đạt TOEIC 400 điểm hoặc tương đương.	<b>S6</b>	<b>4</b>
<b>TRÌNH ĐỘ TIN HỌC CDR 12 (PLO12)</b>	Người học tốt nghiệp có khả năng sử dụng thành thạo tin học cơ bản đạt chuẩn đầu ra quy định tại thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông hoặc tương đương. Sử dụng thành thạo phần mềm cần thiết phục vụ công việc chuyên môn.	<b>K3, S1</b>	<b>5</b>

**Danh mục các chuẩn đối sánh:**

**(1) TĐNL - Trình độ năng lực chung:**

**Bảng 1.5. Thang trình độ năng lực chung**

<b>Thang TĐNL</b>	<b>Khả năng hoạt động</b>	<b>Khả năng nhận thức</b>
<b>1.0</b>	Có biết/ trải qua	
<b>2.0</b>	Có thể tham gia và đóng góp cho các hoạt động	Khả năng Nhớ
<b>3.0</b>	Có thể hiểu và giải thích	Khả năng Hiểu
<b>4.0</b>	Có khả năng thực hành / triển khai	Khả năng Áp dụng / Phân tích
<b>5.0</b>	Có thể dẫn dắt để sáng tạo trong giải quyết vấn đề	Khả năng Tổng hợp/Đánh giá vấn đề

## **(2) Khung TĐQG - Khung trình độ quốc gia - bậc 6**

### ***Kiến thức (K):***

- K1. Kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong phạm vi của ngành đào tạo.
- K2. Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật.
- K3. Kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc.
- K4. Kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong một lĩnh vực hoạt động cụ thể.
- K5. Kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn.

### ***Kỹ năng (S):***

- S1. Kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp.
- S2. Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.
- S3. Kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi.
- S4. Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.
- S5. Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp.
- S6. Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.

### ***Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm (C):***

- C1. Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.
- C2. Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định.
- C3. Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.
- C4. Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.

## **1.6. Cơ hội việc làm và học tập sau đại học**

### **1.6.1. Cơ hội việc làm**

Sau khi tốt nghiệp, cử nhân Tài chính – Ngân hàng có thể trở thành:

- Các chuyên viên tài chính, cán bộ tín dụng, cán bộ phân tích tài chính làm việc tại các ngân hàng, các doanh nghiệp, công ty chứng khoán, công ty tài chính, quỹ đầu tư, các định chế tài chính khác ở trong và ngoài nước; có định hướng phát triển thành cán bộ quản lý trong tương lai.

- Cán bộ, chuyên viên tài chính ngân hàng tại các cơ quan quản lý Nhà nước trong lĩnh vực tài chính ngân hàng như Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Ủy ban giám sát Tài chính, Bộ Tài chính, Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Vụ chính sách tiền tệ trực thuộc các Bộ, và các cơ quan trực thuộc Chính phủ và các Ban ngành khác; có định hướng phát triển thành cán bộ quản lý trong tương lai.

- Các chuyên viên, cán bộ nghiên cứu, cán bộ giảng dạy về tài chính ngân hàng làm việc tại các cơ sở đào tạo, các viện nghiên cứu hoặc các tổ chức khác; có định hướng phát triển thành cán bộ quản lý trong tương lai

- Tự khởi nghiệp thành lập các công ty cung cấp dịch vụ tư vấn tài chính, đào tạo các CEO, môi giới chứng khoán, ...

### **1.6.2. Cơ hội học tập**

- Có nhiều cơ hội thuận lợi khi học chứng chỉ CPA, CIA, ACCA, CFA... để làm việc trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng.

- Có cơ hội học chuyên tiếp lên trình độ thạc sỹ, tiến sỹ ngành kế toán, kiểm toán, tài chính ngân hàng tại các trường đại học trong nước và quốc tế.

## **1.7. Tiêu chí tuyển sinh, quá trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp**

### **1.7.1. Tiêu chí tuyển sinh**

Thực hiện theo đề án tuyển sinh hàng năm của Trường Đại học Lao động – Xã hội.

### **1.7.2. Quá trình đào tạo**

Chương trình đào tạo ngành Tài chính - Ngân hàng được thiết kế theo hệ thống tín chỉ, gồm 121 tín chỉ tích lũy + Giáo dục thể chất (3 tín chỉ) + Giáo dục quốc phòng an ninh (165 tiết) không tích lũy. Quá trình đào tạo tuân thủ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ và các quy định hiện hành khác của Trường Đại học Lao động – Xã hội. Chương trình đào tạo được thiết kế với thời gian đào tạo là 4 năm, tuy nhiên sinh viên có thể rút ngắn thời gian học còn 3,5 năm hoặc kéo dài thời gian tối đa là 8 năm (trừ những trường hợp đặc biệt được quy định khác). Mỗi năm có 2 học kỳ chính và 1 học kỳ phụ.

### **1.7.3. Điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp**

Sinh viên được Trường xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời kỳ bị kỷ luật ở mức đình trị học tập;
- Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo;
- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khoá học đạt từ 2,00 trở lên;
- Thoả mãn một số yêu cầu về kết quả học tập đối với nhóm học phần thuộc ngành đào tạo chính; Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ theo quy định của Trường;
- Có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng - An ninh và hoàn thành học phần Giáo dục thể chất;
- Có đơn gửi phòng Quản lý đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khoá học.

#### **1.7.4. Hệ thống tính điểm**

##### **Điểm học phần**

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân

- Điểm học phần là tổng của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

+ Loại đạt

A+ (9,2 – 10); A (8,5 – 9,1): Giỏi

B+ (7,7 – 8,4); B (7,0 – 7,6): Khá

C+ (6,2 – 6,9); C (5,5 – 6,1): Trung bình

D+ (4,7 – 5,4); D (4,0 – 4,6): Trung bình yếu

+ Loại không đạt

F+ (2,0 – 3,9) F (dưới 2,0): Kém

##### **Điểm trung bình**

- Mức điểm chữ của mỗi học phần được quy đổi qua điểm số (thang điểm 4) như sau:

A+: 4,0 A: 3,7

B+: 3,5 B: 3,0

C+: 2,5 C: 2,0

D+: 1,5 D: 1,0

F+: 0,5 F: 0,0

- Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức sau và làm tròn đến 2 chữ số thập phân:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \cdot n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong đó:

A: là điểm trung bình chung học kỳ hoặc điểm trung bình chung tích lũy

$a_i$ : là điểm học phần thứ  $i$

$n_i$ : là số tín chỉ của học phần thứ  $i$

$n$ : là tổng số học phần

## 1.8. Chiến lược giảng dạy và học tập

Hoạt động giảng dạy và học tập được thiết kế cho chương trình đào tạo ngành Tài chính – Ngân hàng nhằm đảm bảo cho người học phát triển toàn diện về kiến thức, kỹ năng và mức tự chủ, chịu trách nhiệm. Chiến lược giảng dạy và học tập được áp dụng đa dạng nhằm giúp cho người học đạt được các chuẩn đầu ra của các ngành đào tạo. Chiến lược giảng dạy và học tập gồm 07 nhóm lớn: dạy học trực tiếp, dạy học dựa vào hoạt động, dạy kỹ năng tư duy, dạy học tương tác, dạy học theo hướng nghiên cứu – giảng dạy, dạy học dựa vào công nghệ và tự học.

### 1.8.1. Chiến lược dạy học trực tiếp

Chiến lược dạy học trực tiếp là chiến lược dạy học trong đó các thông tin được truyền tải đến với người học theo cách trực tiếp, giảng viên trình bày và người học lắng nghe. Chiến lược này thường được áp dụng trong các lớp học truyền thống và có hiệu quả khi muốn truyền đạt cho người học những thông tin cơ bản, giải thích một kỹ năng mới. Các phương pháp giảng dạy theo chiến lược này được chương trình đào tạo ngành Tài chính – Ngân hàng áp dụng gồm: Giải thích cụ thể, Thuyết giảng, Tham luận và Câu hỏi gợi mở. Cụ thể như sau:

- **Giải thích cụ thể (Explicit leaching):** Đây là phương pháp thuộc chiến lược dạy học trực tiếp trong đó giảng viên hướng dẫn giải thích chi tiết cụ thể các nội dung

liên quan đến bài học, giúp cho người học đạt được mục tiêu dạy học về kiến thức và kỹ năng.

- **Thuyết giảng (Lecture):** Giảng viên trình bày nội dung bài học và giải thích các nội dung trong bài giảng. Giảng viên là người thuyết trình, diễn giảng. Người học chỉ nghe giảng và ghi chú để tiếp nhận các kiến thức mà giảng viên truyền đạt.
- **Tham luận (Guest Lecture):** Theo phương pháp này, người học tham gia vào các khóa học mà người diễn giảng, thuyết trình đến từ doanh nghiệp bên ngoài. Thông qua những trao đổi chia sẻ những kinh nghiệm, hiểu biết của diễn giảng để giúp người học hình thành kiến thức tổng quan hay cụ thể về chuyên ngành đào tạo.
- **Câu hỏi gợi mở (Inquiry):** Trong tiến trình dạy học, giảng viên sử dụng các câu hỏi gợi mở hay các vấn đề và hướng dẫn giúp người học từng bước trả lời câu hỏi. Người học có thể tham gia vào thảo luận nhóm để cùng nhau giải quyết bài toán, vấn đề đặt ra.

### 1.8.2. Chiến lược dạy học dựa vào hoạt động - Trải nghiệm

Chiến lược dạy học dựa vào hoạt động là chiến lược khuyến khích người học thực hiện, tạo cơ hội cho người học thực hành. Điều này thúc đẩy người học khám phá, lựa chọn, giải quyết vấn đề và tương tác với các đối tượng khác. Các phương pháp giảng dạy theo chiến lược này được chương trình đào tạo ngành Tài chính – Ngân hàng áp dụng gồm: Trò chơi; thực tập, thực tế; Thảo luận. Cụ thể:

- **Trò chơi (Game):** Trò chơi là hoạt động đầy thử thách, mô phỏng, hoặc các cuộc thi được chơi theo một bộ quy tắc rõ ràng. Trò chơi cung cấp cho người học cơ hội nâng cao kiến thức thực tế, ra quyết định và kỹ năng giao tiếp, được thiết kế để đạt được những kỳ vọng được xác định rõ ràng như làm việc nhóm, phát triển kỹ năng hoặc cải thiện giao tiếp. Quy tắc trò chơi giúp người học nhận ra rằng quyết định của họ có ảnh hưởng như thế nào đến bản thân cũng như của những người khác cùng tham gia.
- **Thực tập, thực tế (Field Trip):** Thông qua các hoạt động tham quan, đi thực tế tại công ty, doanh nghiệp... để giúp cho người học tiếp cận và hiểu được môi trường thực tế của ngành đào tạo sau khi tốt nghiệp, học hỏi các công nghệ đang được áp dụng trong lĩnh vực đào tạo, hình thành kỹ năng nghề nghiệp và văn hóa làm việc trong công ty. Phương pháp này không chỉ giúp cho người học hình thành kiến thức, kỹ năng mà còn tạo cơ hội nghề nghiệp cho người học sau khi tốt nghiệp.



- **Thảo luận (Discussion):** Là phương pháp dạy học trong đó người học được chia thành các nhóm và tham gia thảo luận về những quan điểm cho một vấn đề nào đó được giảng viên đặt ra. Khác với các phương pháp tranh luận, trong phương pháp thảo luận, người với cũng quan điểm mục tiêu chung tìm cách bổ sung để hoàn thiện quan điểm, giải pháp của mình

### 1.8.3. Chiến lược dạy kỹ năng tư duy

Chiến lược dạy kỹ năng tư duy phát triển tư duy phê phán, kỹ năng đặt câu hỏi, kỹ năng phân tích và thực hành phản xạ trong cách tiếp cận học tập của người học. Những chiến lược này cũng được thiết kế để thúc đẩy tư duy và học tập sáng tạo và độc lập cho người học. Các phương pháp chiến lược này gồm: Giải quyết vấn đề; Học theo tình huống. Cụ thể:

- **Giải quyết vấn đề (Problem Solving):** Trong tiến trình dạy và học, người học làm việc với các vấn đề được đặt ra và học được những kiến thức mới thông qua việc đối mặt với vấn đề cần giải quyết. Thông qua các quá trình giải pháp cho vấn đề đặt ra, người học đạt được những kiến thức, kỹ năng theo yêu cầu của học phần.
- **Học theo tình huống (Case Study):** Đây là phương pháp hướng đến cách tiếp cận dạy và học lấy người học làm trung tâm, giúp người học hình thành kỹ năng tư duy phản biện, giao tiếp. Theo phương pháp này, giảng viên liên hệ các tính huống, vấn đề hay thách thức trong thực tế và yêu cầu người học giải quyết, giúp cho người học hình thành kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng ra quyết định cũng như khả năng nghiên cứu.

### 1.8.4. Chiến lược dạy học tương tác

Chiến lược dạy học tương tác giúp cho người học trở nên năng động, có trách nhiệm và quan tâm đến người khác bằng cách thúc đẩy các tương tác nhóm tích cực và có tính hợp tác, hành vi lắng nghe, tôn trọng và trọng lượng của cả hai mặt của một lập luận hoặc của một vấn đề nào đó. Trọng tâm của việc học tương tác là dạy cho người học tương tác thành công với nhau và chuyển những kỹ năng đó thành những tương tác hiệu quả trong xã hội. Học nhóm là một phương pháp được áp dụng theo chiến lược này.

- **Học nhóm (Teamwork Learning):** Người học được tổ chức thành các nhóm nhỏ để cùng nhau giải quyết các vấn đề được đặt ra và trình bày kết quả của nhóm thông qua các báo cáo hay thuyết trình trước các nhóm khác và giảng viên.

### 1.8.5. Chiến lược dạy học theo hướng nghiên cứu - giảng dạy

Chiến lược dạy học theo hướng nghiên cứu khuyến khích mức độ tư duy phê phán cao. Người học xác định các câu hỏi nghiên cứu, tìm các phương pháp phù hợp để giải quyết các vấn đề hoặc báo cáo các kết luận dựa trên các bằng chứng thu thập được. Chương trình đào tạo ngành Tài chính – Ngân hàng sử dụng các phương pháp: Nghiên cứu độc lập; Dự án nghiên cứu; Nhóm nghiên cứu giảng dạy.

- **Nghiên cứu độc lập:** Phương pháp này phát triển khả năng của người học trong việc lập kế hoạch, tổ chức, khám phá và giao tiếp đối với chủ đề một cách độc lập dưới sự hướng dẫn của các giảng viên. Phương pháp này cũng tăng cường động lực học và tích cực tham gia học tập vì người học được phép chọn các tài liệu họ muốn trình bày. Tại Trường ĐH Lao động – Xã hội có nhiều sách, tài liệu tham khảo được cập nhật hỗ trợ hữu ích cho người học
- **Dự án nghiên cứu (Research Project):** Người học nghiên cứu một chủ đề nào đó liên quan đến môn học và viết báo cáo.
- **Nhóm nghiên cứu giảng dạy (Teaching Research Team):** Người học được khuyến khích tham gia vào các dự án, nhóm nghiên cứu và giảng dạy của giảng viên, giúp hình thành năng lực nghiên cứu và kỹ năng sáng tạo. Từ đó, tạo tiền đề cho người học tiếp tục học tập cao hơn ở bậc sau đại học.

#### **1.8.6. Chiến lược dạy học dựa vào công nghệ**

Phương pháp kết hợp nhằm kết hợp phương pháp lên lớp truyền thống với học trực tuyến (E-learning; Zoom...). Thông qua hệ thống phần mềm quản trị đào tạo, giảng viên có thể tương tác và quản lý quá trình học tập của sinh viên. Đây là chiến lược quan trọng nhằm chuyển đổi kỹ thuật số trong quá trình đào tạo ngành Tài chính – Ngân hàng trong bối cảnh của CMCN 4.0.

#### **1.8.7. Chiến lược tự học**

Chiến lược tự học giúp cho người học tiếp thu kiến thức và hình thành các kỹ năng để có thể tự định hướng, chủ động trong việc học. Người học có cơ hội lựa chọn chủ đề học, khám phá và nghiên cứu sâu về một vấn đề. Từ đó, người học hình thành các kỹ năng quản lý thời gian và tự giám sát việc học. Phương pháp học theo chiến lược này được chương trình đào tạo ngành Tài chính – Ngân hàng áp dụng chủ yếu là Bài tập ở nhà.

- **Bài tập ở nhà (Work Assignment):** Theo phương pháp này, người học được giao nhiệm vụ làm việc ở nhà với nội dung và yêu cầu do giảng viên đặt ra. Thông qua

hoàn thành các nhiệm vụ được giao ở nhà này, người học được tự học, cũng như đạt được những nội dung về kiến thức cũng như kỹ năng theo yêu cầu.

Các phương pháp dạy học nói trên giúp cho người học đạt được chuẩn đầu ra (PLOs), được thể hiện trong bảng 1.8 dưới đây.

**Bảng 1.8. Mối liên hệ giữa Chiến lược và phương pháp dạy-học (TLMs) để đạt được Chuẩn đầu ra (PLOs)**

Chiến lược và phương pháp dạy và học (TLMs)		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)											
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
<b>I</b>	<b>Dạy học trực tiếp</b>												
TLM1	Giải thích cụ thể (Explicit Teaching)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
TLM2	Thuyết giảng (Lecture)	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x
TLM3	Tham luận (Guest Lecture)	x	x		x	x	x		x		x	x	
TLM4	Câu hỏi gợi mở (Inquiry)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
<b>II</b>	<b>Dạy học dựa vào hoạt động - Trải nghiệm</b>												
TLM5	Trò chơi (Game)	x	x	x		x							
TLM6	Thực tập. thực tế (Field Trip)		x	x	x		x	x	x		x		
TLM7	Thảo luận (Discussion)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x
<b>III</b>	<b>Dạy kỹ năng tu duy</b>												
TLM8	Giải quyết vấn đề (Problem Solving)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
TLM9	Học theo tình huống (Case Study)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x
<b>IV</b>	<b>Dạy học tương tác</b>												
TLM10	Học nhóm (Teamwork Learning)	x	x	x	x		x	x	x	x	x		x

Chiến lược và phương pháp dạy và học (TLMs)		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)											
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
<b>V</b>	<b>Dạy học theo hướng nghiên cứu – giảng dạy</b>												
TLM11	Nghiên cứu độc lập		x	x	x	x	x	x	x		x		
TLM12	Dự án nghiên cứu (Research Project)		x	x	x	x	x	x	x				
TLM13	Nhóm nghiên cứu giảng dạy (Teaching Research Team)							x	x				
<b>VI</b>	<b>Dạy học dựa vào công nghệ</b>												
TLM14	Học trực tuyến (E-Learning)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		
<b>VII</b>	<b>Tự học</b>												
TLM15	Bài tập ở nhà (Work Assignment)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x

### 1.9. Các phương pháp đánh giá

Đánh giá kết quả của người học là quá trình ghi chép, lưu trữ và cung cấp thông tin về sự tiến bộ của người học trong suốt quá trình dạy học. Việc đánh giá đảm bảo nguyên tắc rõ ràng, chính xác, công bằng, khách quan và phân hóa, thường xuyên liên tục định kỳ. Yêu cầu về tiêu chí đánh giá cụ thể được Nhà trường, Khoa thiết kế và công bố, làm rõ cho người học trước khi tham dự học.

Các thông tin về đánh giá được cung cấp và chia sẻ kịp thời cho các bên liên quan gồm người dạy, người dự học, phụ huynh và nhà quản lý; được tổng hợp, phân tích định kỳ. Từ đó, Nhà trường, Khoa, Bộ môn, giảng viên kịp thời có những giải pháp, điều chỉnh, cải tiến về các hoạt động dạy học, đảm bảo định hướng và đạt được mục tiêu dạy học.

Khoa đã xây dựng và áp dụng nhiều phương pháp đánh giá khác nhau. Tùy thuộc vào chiến lược, phương pháp dạy và học và yêu cầu đáp ứng chuẩn đầu ra của từng học phần môn học để lựa chọn các phương pháp, nội dung đánh giá phù hợp, đảm bảo cung

cấp đầy đủ thông tin để đánh giá mức độ tiến bộ của người học cũng như mức độ hiệu quả đạt được của tiến trình dạy học.

Các phương pháp đánh giá được sử dụng trong chương trình đào tạo ngành được chia thành 02 loại chính là đánh giá theo tiến trình (On-going/Formative Assessment) và đánh giá tổng kết/định kỳ (cuối kỳ, giữa kỳ) (Summative Assessment). Các hình thức, nội dung đánh giá được quy định cụ thể trong các quy chế đào tạo tiến hành của nhà trường và quy định cụ thể trong đề cương giảng dạy của từng học phần.

### **1.9.1. Đánh giá theo tiến trình (On-going/Formative Assessment)**

Mục đích của đánh giá tiến trình là nhằm cung cấp kịp thời các thông tin phản hồi của người dạy và người học về những tiến bộ cũng như những điểm cần khắc phục xuất hiện trong quá trình dạy học.

Các phương pháp đánh giá cụ thể với loại đánh giá tiến trình được ULSA, Khoa áp dụng gồm: đánh giá chuyên cần (attendance check), đánh giá bài tập (work assignment), làm việc nhóm (teamwork), thuyết trình (oral presentation).

- **Đánh giá chuyên cần (Attendance Check):**

Ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường xuyên, đầy đủ các buổi học trên giảng đường, phòng thực hành, các buổi tham quan doanh nghiệp,... trong học phần cũng phản ánh thái độ học tập của người học; sự tham gia đầy đủ các giờ học theo quy định giúp cho người học tập cận kiến thức, rèn luyện kỹ năng một cách hệ thống, liên tục và hình thành thái độ tốt và đúng đắn, chấp hành tốt nội quy, nề nếp tại cơ quan, doanh nghiệp sau khi người học tốt nghiệp. Việc đánh giá chuyên cần được thực hiện theo các rubric tùy thuộc vào tính chất học phần quy định (lý thuyết, thực hành, đồ án, thực tập,...).

- **Đánh giá bài tập (Work Assignment):**

Người học được yêu cầu thực hiện một số nội dung liên quan đến bài học trong giờ học hoặc ngoài giờ học trên lớp. Các bài tập này có thể thực hiện bởi một cá nhân hoặc một nhóm người học được đánh giá theo các tiêu chí cụ thể.

- **Đánh giá thuyết trình (Oral Presentation):**

Trong một số học phần môn học, người học được yêu cầu làm việc theo nhóm để giải quyết một vấn đề, tình huống hay nội dung liên quan đến bài học và trình bày kết quả của nhóm trước các nhóm khác. Hoạt động không những giúp người học đạt được kiến thức chuyên ngành mà còn phát triển các kỹ năng như: kỹ năng giao tiếp, thương lượng, làm việc nhóm. Để đánh giá mức độ đạt được các kỹ năng này của người học có thể sử dụng các tiêu chí đánh giá cụ thể như rubric 4.

### **1.9.2. Đánh giá tổng kết, định kỳ (cuối kỳ, giữa kỳ) (Summative Assessment)**

Mục tiêu của loại đánh giá này là đưa ra những kết luận, phân hạng về mức độ đạt được mục tiêu và chất lượng đầu ra, sự tiến bộ của người học tại thời điểm ấn định trong quá trình dạy- học gồm đánh giá cuối chương trình học, đánh giá giữa học kỳ, đánh giá cuối học kỳ.

Các phương pháp đánh giá được ULSA, Khoa sử dụng loại đánh giá này gồm: kiểm tra viết (written exam), kiểm tra trắc nghiệm (multiple choice exam), bảo vệ và thi vấn đáp (oral exam), viết báo cáo (written report), thuyết trình (oral presentation), đánh giá làm việc nhóm (teamwork assessment), thực hành (practice), báo cáo thực tập, khóa luận/chuyên đề tốt nghiệp (graduation report/Thesis).

- **Kiểm tra viết (Written Exam):**

Theo phương pháp đánh giá này, người học được yêu cầu trả lời một số câu hỏi, bài tập hay ý kiến cá nhân về những vấn đề liên quan đến yêu cầu chuẩn đầu ra về kiến thức của học phần và được đánh giá dựa trên đáp án được thiết kế sẵn. Thang điểm đánh giá được sử dụng trong phương pháp này là thang điểm 10. Số lượng câu hỏi trong bài đánh giá được thiết kế tùy thuộc vào yêu cầu nội dung kiến thức của học phần.

- **Kiểm tra trắc nghiệm (Multiple Choice Exam):**

Phương pháp này tương tự như phương pháp kiểm tra viết, người học được yêu cầu trả lời các câu hỏi liên quan dựa trên đáp án đã được thiết kế sẵn. Điểm khác là trong phương pháp đánh giá này người học trả lời các câu hỏi yêu cầu dựa trên các gợi ý trả lời cũng như được thiết kế trong đề thi.

- **Bảo vệ và thi vấn đáp (Oral Exam):**

Trong phương pháp đánh giá này, người học được đánh giá thông qua phỏng vấn, hỏi đáp trực tiếp. Các tiêu chí đánh giá này được thể hiện trong rubric 5.

- **Viết báo cáo (Written Report):**

Người học được đánh giá thông qua sản phẩm báo cáo của sinh viên, bao gồm cả nội dung trình bày trong báo cáo, cách thức trình bày thuyết minh, bản vẽ hình ảnh, biểu đồ,... trong báo cáo. Tiêu chí đánh giá cụ thể theo phương pháp này theo rubric.

- **Thuyết trình (Oral Presentation):**

Phương pháp này hoàn toàn giống với phương pháp đánh giá thuyết trình trong loại đánh giá theo tiến trình theo rubric 4, Đánh giá được thực hiện theo định kỳ (giữa kỳ, cuối kỳ, hay cuối khóa).

- **Đánh giá làm việc nhóm** (Teamwork Assessment):

Đánh giá làm việc nhóm được áp dụng khi triển khai hoạt động dạy học theo nhóm và được dùng để đánh giá kỹ năng làm việc nhóm của người học (như: tổ chức, quản lí, xây dựng nhóm làm việc hiệu quả; hoạt động nhóm; phát triển nhóm; lãnh đạo nhóm).

- **Thực hành** (practice):

Trong một số học phần môn học, người học được yêu cầu thực hành phát triển các kỹ năng thực hành nghề nghiệp.

- **Báo cáo thực tập, khóa luận tốt nghiệp** (graduation report, Thesis):

Báo cáo thực tập tốt nghiệp, chuyên đề hay khóa luận tốt nghiệp được đánh giá bởi giảng viên hướng dẫn, hội đồng đánh giá khóa luận tốt nghiệp bằng cách sử dụng các phiếu đánh giá phù hợp với ngành đào tạo.

**Bảng 1.9. Mối liên hệ giữa Phương pháp đánh giá (AMs) nhằm đạt Chuẩn đầu ra (PLOs)**

Phương pháp đánh giá (Assessment)		PLOs											
		Kiến thức				Kỹ năng				Tự chủ tự chịu trách nhiệm		TĐ NN	TĐ TH
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
<b>I</b>	<b>Đánh giá theo tiến trình (On-going, Formative Assessment)</b>												
AMI	Đánh giá chuyên cần (Attendance Check)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
AM2	Đánh giá bài tập (Work Assignment)	x	x	x	x	x	x	x	x	x			x
AM3	Đánh giá thuyết trình (Oral Presentation)	x	x	x	x	x	x	x	x	x			
<b>11</b>	<b>Đánh giá tổng kết, định kỳ (Sum mative Assessment)</b>												
AM4	Kiểm tra viết (Written Exam)	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	

Phương pháp đánh giá (Assessment)		PLOs											
		Kiến thức				Kỹ năng				Tự chủ tự chịu trách nhiệm		TĐ NN	TĐ TH
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
AM5	Kiểm tra trắc nghiệm (Multiple Choice Exam)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	
AM6	Bảo vệ và thi vấn đáp (Oral Exam)	x	x	x	x	x	x	x	x	x			
AM7	Viết báo cáo (Written Report)		x	x	x	x	x	x	x				
AM8	Đánh giá làm việc nhóm (Teamwork Assessment)	x	x	x	x	x	x		x	x	x		
AM9	Thực hành (Practice)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x
AM10	Báo cáo thực tập, khóa luận tốt nghiệp (Graduation Report. Thesis)	x	x	x	x	x	x	x	x				



**1.10. Mô tả sự liên hệ giữa Chuẩn đầu ra (PLOs), học phần, phương pháp dạy và học (TLMs) và phương pháp đánh giá (AMs)**

**Bảng 1.10: Mối liên hệ giữa Chuẩn đầu ra (PLOs), học phần, phương pháp dạy và học (TLMs) và phương pháp đánh giá (AMs)**

<b>CHUẨN ĐẦU RA PLOs</b>	<b>Mã HP</b>	<b>Tên học phần</b>	<b>Phương pháp dạy và học (TLMs) được sử dụng</b>	<b>Phương pháp đánh giá (AMs) được sử dụng</b>
<b>PLO1:</b> Nhận biết, giải thích và có khả năng vận dụng được những kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, khoa học chính trị, quốc phòng - an ninh, ngoại ngữ và chính sách pháp luật của nhà nước.	ViMO0523H	Kinh tế vi mô	TLM1,TLM2,TLM9,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	ViMO0523H	Kinh tế vĩ mô	TLM1,TLM2,TLM9,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM3,AM5,AM8
	NLTK1322H	Nguyên lý thống kê	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM8,TLM15	AM1,AM2,AM4
	LKTE1022H	Luật Kinh tế	TLM2,TLM7,TLM9,TLM10,	AM1,AM4,AM5
	MARC0522H	Marketing căn bản	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM8,TLM9,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	KTQT0522H	Kinh tế quốc tế	TLM2,TLM4,TLM7,TLM8,TLM9,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM3,AM4,AM5,AM8,AM9
	TTTC0123L	Thị trường tài chính	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	KTLU1122H	Kinh tế lượng	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM8,TLM9,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM3,AM4,AM9
	VHDN0522H	Văn hóa doanh nghiệp	TLM2,TLM4,TLM7,TLM8,TLM9,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM3,AM4,AM5,AM8
	KNGT0322H	Kỹ năng giao tiếp	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM15	AM1,AM2,AM3,AM4,AM5,AM8
	PTTC0123H	Phân tích báo cáo tài chính	TLM1,TLM2,TLM4,TLM11,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	TTTC0224T	Thực tập cuối khóa	TLM1,TLM2,TLM6,TLM7,TLM11,TLM14,TLM15	AM1,AM10
	KLTC0226T	Khóa luận tốt nghiệp	TLM1,TLM6,TLM11,TLM15	AM1,AM10
	TCC11122L	Toán cao cấp 1	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM8,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5,AM8
	TCC21122L	Toán cao cấp 2	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM8,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM8
	XSTK1123L	Lý thuyết xác suất và TK toán	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM8,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5,AM8
THML0723H	Triết học Mác - Lênin	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM8,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM7	
KTCT0722H	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM8,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM7	

TTCM0722H	Tư tưởng Hồ chí Minh	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM8,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM3,AM5,AM7
LSUD0722H	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM8,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM3,AM4
CNXH0722H	Chủ nghĩa xã hội khoa học	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM7
PLĐC1022H	Pháp luật đại cương	TLM2,TLM7,TLM9,TLM10,	AM1,AM4,AM5
TCB11222H	Tin học cơ bản 1	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM8,TLM15	AM1,AM2,AM9
TCB21222H	Tin học cơ bản 2	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM8,TLM15	AM1,AM2,AM9
STVB1022H	Soạn thảo văn bản	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM8,TLM9,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM4
NCKH0722L	Phương pháp luận NCKH	TLM2,TLM4,TLM7,TLM10,TLM12,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM7
LOGI0722L	Logic học	TLM1,TLM2,TLM4,TLM8,TLM15	AM1,AM2,AM4,
TLĐC0322L	Tâm lý học đại cương	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM15	AM1,AM2,AM3,AM4,AM5,AM8
TAC10622H	Tiếng Anh cơ bản 1	TLM1,TLM8,TLM9,TLM10,	AM1,AM5
TAC20623H	Tiếng Anh cơ bản 2	TLM1,TLM8,TLM9,TLM10,	AM1,AM5
TAKT0623H	Tiếng Anh chuyên ngành TCNH	TLM1,TLM8,TLM9,TLM10,	AM1,AM4
TDDK1421T	Thế dục - Điện kinh	TLM1, TLM4,TLM7,TLM8,TLM9,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM3,AM9
BOCI1421T	Bóng chuyền 1	TLM1,TLM2,TLM4,TLM5,TLM7,TLM8,TLM9,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM9
BOC21421T	Bóng chuyền 2	TLM1,TLM2,TLM4,TLM5,TLM7,TLM8,TLM9,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM9
BOR11421T	Bóng rổ 1	TLM1,TLM2,TLM4,TLM5,TLM7,TLM8,TLM9,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM9
BOR21421T	Bóng rổ 2	TLM1,TLM2,TLM4,TLM5,TLM7,TLM8,TLM9,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM3,AM9
CLO11421T	Cầu lông 1	TLM1,TLM2,TLM4, TLM7,TLM8,TLM9,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM9
CLO21421T	Cầu lông 2	TLM1,TLM2,TLM4, TLM7,TLM8,TLM9,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM9
COV11421T	Cờ vua 1	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM8,TLM9,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM3,AM6
COV21421T	Cờ vua 2	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM8,TLM9,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM3,AM6
COV31421T	Cờ vua 3	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM8,TLM9,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM3,AM6
DLQP1423L	Đường lối quốc phòng và an ninh Đảng cộng sản Việt	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7	AM1,AM5

		Nam		
	CTQP1422L	Công tác quốc phòng và an ninh	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7	AM1,AM5
	QSUC1421L	Quân sự chung	TLM1,TLM2,TLM6,TLM7,TLM8, TLM10	AM1,AM5
	KTCD1422T	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	TLM1,TLM2,TLM6, TLM9, TLM10	AM1,AM9
<b>PLO2:</b> Nhận biết, giải thích, vận dụng các kiến thức về tài chính ngân hàng để đọc hiểu, xử lý các nghiệp vụ liên quan như: nghiệp vụ tín dụng, thanh toán quốc tế, kinh doanh ngoại hối, quản trị tài chính, lựa chọn dự án đầu tư, phân tích thị trường tài chính, đầu tư tài chính, thực hiện các nghiệp vụ cơ bản có liên	ViMO0523H	Kinh tế vi mô	TLM1,TLM2,TLM9,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	ViMO0523H	Kinh tế vĩ mô	TLM1,TLM2,TLM9,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM3,AM5,AM8
	NLTK1322H	Nguyên lý thống kê	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM8,TLM15	AM1,AM2,AM4
	LKTE1022H	Luật Kinh tế	TLM2,TLM7,TLM9,TLM10,	AM1,AM4,AM5
	MARC0522H	Marketing căn bản	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM8,TLM9,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	TCTT0122H	Tài chính - Tiền tệ	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM3,AM4,AM5,AM8,AM9
	NLK10122H	Nguyên lý kế toán 1	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	KTQT0522H	Kinh tế quốc tế	TLM2,TLM4,TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1,AM2,AM3,AM4,AM5,AM8,AM9
	NMNH0123L	Nhập môn ngân hàng thương mại	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	TTTC0123L	Thị trường tài chính	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	KTLU1122H	Kinh tế lượng	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM8,TLM9,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM3,AM4,AM9
	VHDN0522H	Văn hóa doanh nghiệp	TLM2,TLM4,TLM7, TLM8, TLM9, TLM10, TLM15	AM1,AM2,AM3,AM4,AM5,AM8
	KSNB0122H	Kiểm soát nội bộ	TLM1,TLM2,TLM4,TLM14,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	TCDN0123H	Quản trị tài chính doanh nghiệp	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	KTC10123H	Kế toán tài chính 1	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	TCSN0123H	Quản trị tài chính đơn vị hành chính sự nghiệp	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
KTQT0123H	Kế toán quản trị	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5	
TĐTC0122L	Thẩm định tài chính dự án đầu tư	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5	

quan đến ngân hàng, doanh nghiệp và tổ chức khác.	ĐTCK0122L	Phân tích đầu tư chứng khoán	TLM1,TLM2,TLM4,TLM11,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	NHTW0122L	Ngân hàng Trung ương và Chính sách tiền tệ	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	KTNH0122L	Kế toán ngân hàng	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	KTC20123H	Kế toán tài chính 2	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	TCQT0123L	Tài chính quốc tế	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM15	AM1,AM2,AM3,AM4,AM5
	QTNH0123L	Quản trị ngân hàng thương mại	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM15	AM1,AM2,AM3,AM4,AM5
	PTTC0123H	Phân tích báo cáo tài chính	TLM1,TLM2,TLM4,TLM11,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	TDN20123L	Quản trị tài chính doanh nghiệp chuyên sâu	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM15	AM1,AM2,AM3,AM4,AM5
	RRTC0123L	Quản trị rủi ro tài chính	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	QLNH0122L	Quản lý Ngân hàng điện tử	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	THTC0123L	Thực hành Tài chính - Ngân hàng ( theo chủ đề từng khoá đào tạo)	TLM1,TLM4,TLM7,TLM9,TLM15	AM1,AM3,AM4,AM7,AM8,AM9
	TCCN0123L	Tài chính cá nhân	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	KTTE0123H	Kế toán thuế	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	QTCL0523H	Quản trị chiến lược	TLM2,TLM4,TLM7,TLM8,TLM9,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM3,AM4,AM5,AM8,AM9
	QTĐT122L	Quản trị danh mục đầu tư	TLM1,TLM2,TLM4,TLM11,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	KTCB0123H	Kiểm toán căn bản	TLM1,TLM2,TLM4,TLM14,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	NHPPH0123L	Ngân hàng phát triển	TLM1,TLM2,TLM4,TLM9,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	TTTC0224T	Thực tập cuối khóa	TLM1,TLM2,TLM6,TLM7,TLM11,TLM14,TLM15	AM1,AM10
	KLTC0226T	Khóa luận tốt nghiệp	TLM1,TLM6,TLM11,TLM15	AM1,AM10
	ĐGTC0123L	Định giá tài chính doanh nghiệp	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
QTDT0123L	Quản trị dòng tiền	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM15	AM1,AM2,AM3,AM4,AM5	
TCC11122L	Toán cao cấp 1	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM8,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5,AM8	

	TCC21122L	Toán cao cấp 2	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM8,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM8
	XSTK1123L	Lý thuyết xác suất và TK toán	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM8,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5,AM8
	THML0723H	Triết học Mác - Lênin	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM8,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM7
	KTCT0722H	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM8,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM7
	TTCM0722H	Tư tưởng Hồ chí Minh	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM8,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM3,AM5,AM7
	LSUD0722H	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM8,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM3,AM4
	CNXH0722H	Chủ nghĩa xã hội khoa học	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM7
	PLĐC1022H	Pháp luật đại cương	TLM2,TLM7,TLM9,TLM10,	AM1,AM4,AM5
	TCB11222H	Tin học cơ bản 1	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM8,TLM15	AM1,AM2,AM9
	TCB21222H	Tin học cơ bản 2	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM8,TLM15	AM1,AM2,AM9
	STVB1022H	Soạn thảo văn bản	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM8,TLM9,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM4
	NCKH0722L	Phương pháp luận NCKH	TLM2,TLM4,TLM7,TLM10,TLM12,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM7
	LOGI0722L	Logic học	TLM1,TLM2,TLM4,TLM8,TLM15	AM1,AM2,AM4,
	TLĐC0322L	Tâm lý học đại cương	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM15	AM1,AM2,AM3,AM4,AM5,AM8
	TAC10622H	Tiếng Anh cơ bản 1	TLM1,TLM8,TLM9,TLM10,	AM1,AM5
	TAC20623H	Tiếng Anh cơ bản 2	TLM1,TLM8,TLM9,TLM10,	AM1,AM5
	TAKT0623H	Tiếng Anh chuyên ngành TCNH	TLM1,TLM8,TLM9,TLM10,	AM1,AM4
<b>PLO3:</b> Nhận biết, diễn giải, vận dụng các kiến thức chuyên sâu về tài chính ngân hàng trong xử lý tình huống	TCTT0122H	Tài chính - Tiền tệ	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM3,AM4,AM5,AM8,AM9
	NLK10122H	Nguyên lý kế toán 1	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	KTQT0522H	Kinh tế quốc tế	TLM2,TLM4,TLM7,TLM8,TLM9,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM3,AM4,AM5,AM8,AM9
	NMNH0123L	Nhập môn ngân hàng thương mại	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	TTTC0123L	Thị trường tài chính	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	KSNB0122H	Kiểm soát nội bộ	TLM1,TLM2,TLM4,TLM14,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5

thực tế tại ngân hàng; tình huống thực tế trong hoạt động tài chính của doanh nghiệp, tổ chức; ra các quyết định tài chính, phân tích diễn biến trên thị trường tài chính, quản trị các nghiệp vụ của ngân hàng và thực hiện nghiên cứu khoa học liên quan đến lĩnh vực tài chính, ngân hàng

TCDN0123H	Quản trị tài chính doanh nghiệp	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
KTC10123H	Kế toán tài chính 1	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
TCSN0123H	Quản trị tài chính đơn vị hành chính sự nghiệp	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
KTQT0123H	Kế toán quản trị	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
TĐTC0122L	Thẩm định tài chính dự án đầu tư	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
ĐTCK0122L	Phân tích đầu tư chứng khoán	TLM1,TLM2,TLM4,TLM11,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
NHTW0122L	Ngân hàng Trung ương và Chính sách tiền tệ	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
KTNH0122L	Kế toán ngân hàng	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
KTC20123H	Kế toán tài chính 2	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
TCQT0123L	Tài chính quốc tế	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM15	AM1,AM2,AM3,AM4,AM5
QTNH0123L	Quản trị ngân hàng thương mại	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM15	AM1,AM2,AM3,AM4,AM5
PTTC0123H	Phân tích báo cáo tài chính	TLM1,TLM2,TLM4,TLM11,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
TDN20123L	Quản trị tài chính doanh nghiệp chuyên sâu	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM15	AM1,AM2,AM3,AM4,AM5
RRTC0123L	Quản trị rủi ro tài chính	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
QLNH0122L	Quản lý Ngân hàng điện tử	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
THTC0123L	Thực hành Tài chính - Ngân hàng ( theo chủ đề từng khoá đào tạo)	TLM1,TLM4,TLM7,TLM9,TLM15	AM1,AM3,AM4,AM7,AM8,AM9
TCCN0123L	Tài chính cá nhân	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
KTTE0123H	Kế toán thuế	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
QTCL0523H	Quản trị chiến lược	TLM2,TLM4,TLM7,TLM8,TLM9,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM3,AM4,AM5,AM8,AM9
QTĐT122L	Quản trị danh mục đầu tư	TLM1,TLM2,TLM4,TLM11,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
KTCB0123H	Kiểm toán căn bản	TLM1,TLM2,TLM4,TLM14,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5

	NHPH0123L	Ngân hàng phát triển	TLM1,TLM2,TLM4,TLM9,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	TTTC0224T	Thực tập cuối khóa	TLM1,TLM2,TLM6,TLM7,TLM11,TLM14,TLM15	AM1,AM10
	KLTC0226T	Khóa luận tốt nghiệp	TLM1,TLM6,TLM11,TLM15	AM1,AM10
	ĐGTC0123L	Định giá tài chính doanh nghiệp	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	QTDT0123L	Quản trị dòng tiền	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM15	AM1,AM2,AM3,AM4,AM5
	TAKT0623H	Tiếng Anh chuyên ngành TCNH	TLM1,TLM8,TLM9,TLM10,	AM1,AM4
<b>PLO4:</b> Hiểu biết sâu sắc về các chuẩn mực, thông tư, nghị định, quy ước quốc tế,... quy định về kế toán, tài chính trong nước và quốc tế để có thể ứng dụng trong các bối cảnh nền kinh tế hội nhập.	NLK10122H	Nguyên lý kế toán 1	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	NMNH0123L	Nhập môn ngân hàng thương mại	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	TTTC0123L	Thị trường tài chính	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	KSNB0122H	Kiểm soát nội bộ	TLM1,TLM2,TLM4,TLM14,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	TCDN0123H	Quản trị tài chính doanh nghiệp	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	KTC10123H	Kế toán tài chính 1	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	TCSN0123H	Quản trị tài chính đơn vị hành chính sự nghiệp	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	KTQT0123H	Kế toán quản trị	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	TĐTC0122L	Thẩm định tài chính dự án đầu tư	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	ĐTCK0122L	Phân tích đầu tư chứng khoán	TLM1,TLM2,TLM4,TLM11,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	NHTW0122L	Ngân hàng Trung ương và Chính sách tiền tệ	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	KTNH0122L	Kế toán ngân hàng	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	KTC20123H	Kế toán tài chính 2	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	TCQT0123L	Tài chính quốc tế	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM15	AM1,AM2,AM3,AM4,AM5
QTNH0123L	Quản trị ngân hàng thương mại	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM15	AM1,AM2,AM3,AM4,AM5	

	PTTC0123H	Phân tích báo cáo tài chính	TLM1,TLM2,TLM4,TLM11,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	TDN20123L	Quản trị tài chính doanh nghiệp chuyên sâu	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM15	AM1,AM2,AM3,AM4,AM5
	RRTC0123L	Quản trị rủi ro tài chính	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	QLNH0122L	Quản lý Ngân hàng điện tử	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	THTC0123L	Thực hành Tài chính - Ngân hàng ( theo chủ đề từng khoá đào tạo)	TLM1,TLM4,TLM7,TLM9,TLM15	AM1,AM3,AM4,AM7,AM8,AM9
	KTTE0123H	Kế toán thuế	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	KTCB0123H	Kiểm toán căn bản	TLM1,TLM2,TLM4,TLM14,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	TTTC0224T	Thực tập cuối khóa	TLM1,TLM2,TLM6,TLM7,TLM11,TLM14,TLM15	AM1,AM10
	KLTC0226T	Khóa luận tốt nghiệp	TLM1,TLM6,TLM11,TLM15	AM1,AM10
	ĐGTC0123L	Định giá tài chính doanh nghiệp	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	PLĐC1022H	Pháp luật đại cương	TLM2,TLM7,TLM9,TLM10,	AM1,AM4,AM5
	STVB1022H	Soạn thảo văn bản	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM8,TLM9,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM4
	NCKH0722L	Phương pháp luận NCKH	TLM2,TLM4,TLM7,TLM10,TLM12,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM7
	LOGI0722L	Logic học	TLM1,TLM2,TLM4,TLM8,TLM15	AM1,AM2,AM4,
	TLĐC0322L	Tâm lý học đại cương	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM15	AM1,AM2,AM3,AM4,AM5,AM8
<b>PLO5:</b> Có kỹ năng về tư duy độc lập, sáng tạo, tư duy hệ thống và tư duy phản biện, linh hoạt và có khả năng	ViMO0523H	Kinh tế vi mô	TLM1,TLM2,TLM9,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	ViMO0523H	Kinh tế vĩ mô	TLM1,TLM2,TLM9,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM3,AM5,AM8
	NLTK1322H	Nguyên lý thống kê	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM8,TLM15	AM1,AM2,AM4
	LKTE1022H	Luật Kinh tế	TLM2,TLM7,TLM9,TLM10,	AM1,AM4,AM5
	MARC0522H	Marketing căn bản	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM8,TLM9,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	TCTT0122H	Tài chính - Tiền tệ	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM3,AM4,AM5,AM8,AM9
	NLK10122H	Nguyên lý kế toán 1	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	KTQT0522H	Kinh tế quốc tế	TLM2,TLM4,TLM7,TLM8,TLM9,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM3,AM4,AM5,AM8,AM9



thích nghi cao trong điều kiện môi trường làm việc không xác định cụ thể hoặc thay đổi.

NMNH0123L	Nhập môn ngân hàng thương mại	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
TTTC0123L	Thị trường tài chính	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
KTLU1122H	Kinh tế lượng	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM8,TLM9,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM3,AM4,AM9
VHDN0522H	Văn hóa doanh nghiệp	TLM2,TLM4,TLM7,TLM8,TLM9,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM3,AM4,AM5,AM8
KNGT0322H	Kỹ năng giao tiếp	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM15	AM1,AM2,AM3,AM4,AM5,AM8
KSNB0122H	Kiểm soát nội bộ	TLM1,TLM2,TLM4,TLM14,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
TCDN0123H	Quản trị tài chính doanh nghiệp	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
KTC10123H	Kế toán tài chính 1	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
TCSN0123H	Quản trị tài chính đơn vị hành chính sự nghiệp	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
KTQT0123H	Kế toán quản trị	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
TĐTC0122L	Thẩm định tài chính dự án đầu tư	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
ĐTCK0122L	Phân tích đầu tư chứng khoán	TLM1,TLM2,TLM4,TLM11,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
NHTW0122L	Ngân hàng Trung ương và Chính sách tiền tệ	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
KTNH0122L	Kế toán ngân hàng	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
KTC20123H	Kế toán tài chính 2	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
TCQT0123L	Tài chính quốc tế	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM15	AM1,AM2,AM3,AM4,AM5
QTNH0123L	Quản trị ngân hàng thương mại	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM15	AM1,AM2,AM3,AM4,AM5
PTTC0123H	Phân tích báo cáo tài chính	TLM1,TLM2,TLM4,TLM11,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
TDN20123L	Quản trị tài chính doanh nghiệp chuyên sâu	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM15	AM1,AM2,AM3,AM4,AM5
RRTC0123L	Quản trị rủi ro tài chính	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
QLNH0122L	Quản lý Ngân hàng điện tử	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5

THTC0123L	Thực hành Tài chính - Ngân hàng ( theo chủ đề từng khoá đào tạo)	TLM1,TLM4,TLM7,TLM9,TLM15	AM1,AM3,AM4,AM7,AM8,AM9
TCCN0123L	Tài chính cá nhân	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
KTTE0123H	Kế toán thuế	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
QTCL0523H	Quản trị chiến lược	TLM2,TLM4,TLM7,TLM8,TLM9,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM3,AM4,AM5,AM8,AM9
QTĐT122L	Quản trị danh mục đầu tư	TLM1,TLM2,TLM4,TLM11,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
KTCB0123H	Kiểm toán căn bản	TLM1,TLM2,TLM4,TLM14,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
NHPH0123L	Ngân hàng phát triển	TLM1,TLM2,TLM4,TLM9,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
TTTC0224T	Thực tập cuối khóa	TLM1,TLM2,TLM6,TLM7,TLM11,TLM14,TLM15	AM1,AM10
KLTC0226T	Khóa luận tốt nghiệp	TLM1,TLM6,TLM11,TLM15	AM1,AM10
ĐGTC0123L	Định giá tài chính doanh nghiệp	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
QTDT0123L	Quản trị dòng tiền	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM15	AM1,AM2,AM3,AM4,AM5
TCC11122L	Toán cao cấp 1	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM8,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5,AM8
TCC21122L	Toán cao cấp 2	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM8,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM8
XSTK1123L	Lý thuyết xác suất và TK toán	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM8,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5,AM8
THML0723H	Triết học Mác - Lênin	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM8,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM7
KTCT0722H	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM8,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM7
TTCM0722H	Tư tưởng Hồ chí Minh	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM8,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM3,AM5,AM7
LSUD0722H	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM8,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM3,AM4
CNXH0722H	Chủ nghĩa xã hội khoa học	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM7
PLĐC1022H	Pháp luật đại cương	TLM2,TLM7,TLM9,TLM10,	AM1,AM4,AM5
TCB11222H	Tin học cơ bản 1	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM8,TLM15	AM1,AM2,AM9
TCB21222H	Tin học cơ bản 2	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM8,TLM15	AM1,AM2,AM9
STVB1022H	Soạn thảo văn bản	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM8,TLM9,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM4

NCKH0722L	Phương pháp luận NCKH	TLM2,TLM4,TLM7,TLM10,TLM12,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM7
LOGI0722L	Logic học	TLM1,TLM2,TLM4,TLM8,TLM15	AM1,AM2,AM4,
TLĐC0322L	Tâm lý học đại cương	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM15	AM1,AM2,AM3,AM4,AM5,AM8
TAC10622H	Tiếng Anh cơ bản 1	TLM1,TLM8,TLM9,TLM10,	AM1,AM5
TAC20623H	Tiếng Anh cơ bản 2	TLM1,TLM8,TLM9,TLM10,	AM1,AM5
TAKT0623H	Tiếng Anh chuyên ngành TCNH	TLM1,TLM8,TLM9,TLM10,	AM1,AM4
TDDK1421T	Thế dục - Điện kinh	TLM1, TLM4,TLM7,TLM8,TLM9,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM3,AM9
BOCI1421T	Bóng chuyền 1	TLM1,TLM2,TLM4,TLM5,TLM7,TLM8,TLM9,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM9
BOC21421T	Bóng chuyền 2	TLM1,TLM2,TLM4,TLM5,TLM7,TLM8,TLM9,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM9
BORI1421T	Bóng rổ 1	TLM1,TLM2,TLM4,TLM5,TLM7,TLM8,TLM9,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM9
BOR21421T	Bóng rổ 2	TLM1,TLM2,TLM4,TLM5,TLM7,TLM8,TLM9,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM3,AM9
CLO11421T	Cầu lông 1	TLM1,TLM2,TLM4, TLM7,TLM8,TLM9,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM9
CLO21421T	Cầu lông 2	TLM1,TLM2,TLM4, TLM7,TLM8,TLM9,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM9
COV11421T	Cờ vua 1	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM8,TLM9,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM3,AM6
COV21421T	Cờ vua 2	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM8,TLM9,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM3,AM6
COV31421T	Cờ vua 3	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM8,TLM9,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM3,AM6
DLQP1423L	Đường lối quốc phòng và an ninh Đảng cộng sản Việt Nam	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7	AM1,AM5
CTQP1422L	Công tác quốc phòng và an ninh	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7	AM1,AM5
QSUC1421L	Quân sự chung	TLM1,TLM2,TLM6,TLM7,TLM8, TLM10	AM1,AM5
KTCD1422T	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	TLM1,TLM2,TLM6, TLM9, TLM10	AM1,AM9
<b>PLO6:</b> Có kỹ năng làm việc theo nhóm, tổ	ViMO0523H	Kinh tế vi mô	TLM1,TLM2,TLM9,TLM10,TLM15
	ViMO0523H	Kinh tế vĩ mô	TLM1,TLM2,TLM9,TLM10,TLM15
	NLTK1322H	Nguyên lý thống kê	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM8,TLM15

chức nhóm làm việc hiệu quả, kỹ năng viết và giao tiếp bằng lời, thuyết trình mạch lạc, thể hiện ý tưởng vấn đề cần giải quyết, kỹ năng phát hiện và đề xuất giải pháp để giải quyết vấn đề.

LKTE1022H	Luật Kinh tế	TLM2,TLM7,TLM9,TLM10,	AM1,AM4,AM5
MARC0522H	Marketing căn bản	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM8,TLM9,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
TCTT0122H	Tài chính - Tiền tệ	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM3,AM4,AM5,AM8,AM9
NLK10122H	Nguyên lý kế toán 1	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
KTQT0522H	Kinh tế quốc tế	TLM2,TLM4,TLM7,TLM8,TLM9,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM3,AM4,AM5,AM8,AM9
NMNH0123L	Nhập môn ngân hàng thương mại	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
TTTC0123L	Thị trường tài chính	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
KTLU1122H	Kinh tế lượng	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM8,TLM9,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM3,AM4,AM9
VHDN0522H	Văn hóa doanh nghiệp	TLM2,TLM4,TLM7,TLM8,TLM9,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM3,AM4,AM5,AM8
KNGT0322H	Kỹ năng giao tiếp	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM15	AM1,AM2,AM3,AM4,AM5,AM8
KSNB0122H	Kiểm soát nội bộ	TLM1,TLM2,TLM4,TLM14,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
TCDN0123H	Quản trị tài chính doanh nghiệp	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
KTC10123H	Kế toán tài chính 1	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
TCSN0123H	Quản trị tài chính đơn vị hành chính sự nghiệp	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
KTQT0123H	Kế toán quản trị	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
TĐTC0122L	Thẩm định tài chính dự án đầu tư	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
ĐTCK0122L	Phân tích đầu tư chứng khoán	TLM1,TLM2,TLM4,TLM11,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
NHTW0122L	Ngân hàng Trung ương và Chính sách tiền tệ	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
KTC20123H	Kế toán tài chính 2	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
TCQT0123L	Tài chính quốc tế	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM15	AM1,AM2,AM3,AM4,AM5
QTNH0123L	Quản trị ngân hàng thương mại	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM15	AM1,AM2,AM3,AM4,AM5
PTTC0123H	Phân tích báo cáo tài chính	TLM1,TLM2,TLM4,TLM11,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5

TDN20123L	Quản trị tài chính doanh nghiệp chuyên sâu	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM15	AM1,AM2,AM3,AM4,AM5
RRTC0123L	Quản trị rủi ro tài chính	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
QLNH0122L	Quản lý Ngân hàng điện tử	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
THTC0123L	Thực hành Tài chính - Ngân hàng ( theo chủ đề từng khoá đào tạo)	TLM1,TLM4,TLM7,TLM9,TLM15	AM1,AM3,AM4,AM7,AM8,AM9
TCCN0123L	Tài chính cá nhân	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
KTTE0123H	Kế toán thuế	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
QTCL0523H	Quản trị chiến lược	TLM2,TLM4,TLM7,TLM8,TLM9,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM3,AM4,AM5,AM8,AM9
QTĐT122L	Quản trị danh mục đầu tư	TLM1,TLM2,TLM4,TLM11,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
KTCB0123H	Kiểm toán căn bản	TLM1,TLM2,TLM4,TLM14,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
NHPH0123L	Ngân hàng phát triển	TLM1,TLM2,TLM4,TLM9,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
TTTC0224T	Thực tập cuối khóa	TLM1,TLM2,TLM6,TLM7,TLM11,TLM14,TLM15	AM1,AM10
KLTC0226T	Khóa luận tốt nghiệp	TLM1,TLM6,TLM11,TLM15	AM1,AM10
ĐGTC0123L	Định giá tài chính doanh nghiệp	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
QTDT0123L	Quản trị dòng tiền	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM15	AM1,AM2,AM3,AM4,AM5
TCC11122L	Toán cao cấp 1	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM8,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5,AM8
TCC21122L	Toán cao cấp 2	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM8,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM8
XSTK1123L	Lý thuyết xác suất và TK toán	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM8,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5,AM8
THML0723H	Triết học Mác - Lênin	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM8,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM7
KTCT0722H	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM8,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM7
TTCM0722H	Tư tưởng Hồ chí Minh	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM8,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM3,AM5,AM7
LSUD0722H	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM8,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM3,AM4
CNXH0722H	Chủ nghĩa xã hội khoa học	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM7

PLĐC1022H	Pháp luật đại cương	TLM2,TLM7,TLM9,TLM10,	AM1,AM4,AM5
TCB11222H	Tin học cơ bản 1	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM8,TLM15	AM1,AM2,AM9
TCB21222H	Tin học cơ bản 2	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM8,TLM15	AM1,AM2,AM9
STVB1022H	Soạn thảo văn bản	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM8,TLM9,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM4
NCKH0722L	Phương pháp luận NCKH	TLM2,TLM4,TLM7,TLM10,TLM12,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM7
LOGI0722L	Logic học	TLM1,TLM2,TLM4,TLM8,TLM15	AM1,AM2,AM4,
TLĐC0322L	Tâm lý học đại cương	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM15	AM1,AM2,AM3,AM4,AM5,AM8
TAC10622H	Tiếng Anh cơ bản 1	TLM1,TLM8,TLM9,TLM10,	AM1,AM5
TAC20623H	Tiếng Anh cơ bản 2	TLM1,TLM8,TLM9,TLM10,	AM1,AM5
TAKT0623H	Tiếng Anh chuyên ngành TCNH	TLM1,TLM8,TLM9,TLM10,	AM1,AM4
TDDK1421T	Thế dục - Điện kinh	TLM1, TLM4,TLM7,TLM8,TLM9,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM3,AM9
BOCI1421T	Bóng chuyền 1	TLM1,TLM2,TLM4,TLM5,TLM7,TLM8,TLM9,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM9
BOC21421T	Bóng chuyền 2	TLM1,TLM2,TLM4,TLM5,TLM7,TLM8,TLM9,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM9
BORI1421T	Bóng rổ 1	TLM1,TLM2,TLM4,TLM5,TLM7,TLM8,TLM9,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM9
BOR21421T	Bóng rổ 2	TLM1,TLM2,TLM4,TLM5,TLM7,TLM8,TLM9,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM3,AM9
CLO11421T	Cầu lông 1	TLM1,TLM2,TLM4, TLM7,TLM8,TLM9,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM9
CLO21421T	Cầu lông 2	TLM1,TLM2,TLM4, TLM7,TLM8,TLM9,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM9
COV11421T	Cờ vua 1	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM8,TLM9,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM3,AM6
COV21421T	Cờ vua 2	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM8,TLM9,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM3,AM6
COV31421T	Cờ vua 3	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM8,TLM9,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM3,AM6
DLQP1423L	Đường lối quốc phòng và an ninh Đảng cộng sản Việt Nam	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7	AM1,AM5
CTQP1422L	Công tác quốc phòng và an ninh	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7	AM1,AM5
QSUC1421L	Quân sự chung	TLM1,TLM2,TLM6,TLM7,TLM8, TLM10	AM1,AM5

	KTCD1422T	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	TLM1,TLM2,TLM6, TLM9, TLM10	AM1,AM9
<b>PLO7:</b> Có kỹ năng phân tích, tổng hợp và đánh giá một cách toàn diện các vấn đề kinh tế ngân hàng, tài chính ở tầm vĩ mô và vi mô, đặc biệt là các vấn đề về quản trị tài chính trong các doanh nghiệp và các tổ chức khác cũng như các nghiệp vụ ngân hàng, các tổ chức tín dụng trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0. Có năng lực dẫn dắt chuyên môn để xử lý những vấn đề này sinh về tài	NLK10122H	Nguyên lý kế toán 1	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	KTQT0522H	Kinh tế quốc tế	TLM2,TLM4,TLM7,TLM8,TLM9,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM3,AM4,AM5,AM8,AM9
	NMNH0123L	Nhập môn ngân hàng thương mại	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	TTTC0123L	Thị trường tài chính	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	KSNB0122H	Kiểm soát nội bộ	TLM1,TLM2,TLM4,TLM14,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	TCDN0123H	Quản trị tài chính doanh nghiệp	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	KTC10123H	Kế toán tài chính 1	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	TCSN0123H	Quản trị tài chính đơn vị hành chính sự nghiệp	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	KTQT0123H	Kế toán quản trị	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	TĐTC0122L	Thẩm định tài chính dự án đầu tư	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	ĐTCK0122L	Phân tích đầu tư chứng khoán	TLM1,TLM2,TLM4,TLM11,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	NHTW0122L	Ngân hàng Trung ương và Chính sách tiền tệ	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	KTNH0122L	Kế toán ngân hàng	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	KTC20123H	Kế toán tài chính 2	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	TCQT0123L	Tài chính quốc tế	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM15	AM1,AM2,AM3,AM4,AM5
	QTNH0123L	Quản trị ngân hàng thương mại	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM15	AM1,AM2,AM3,AM4,AM5
	PTTC0123H	Phân tích báo cáo tài chính	TLM1,TLM2,TLM4,TLM11,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	TDN20123L	Quản trị tài chính doanh nghiệp chuyên sâu	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM15	AM1,AM2,AM3,AM4,AM5
RRTC0123L	Quản trị rủi ro tài chính	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5	
QLNH0122L	Quản lý Ngân hàng điện tử	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5	

chính tại tổ chức, các vấn đề trong nghiệp vụ tại ngân hàng và các tổ chức tín dụng. Có khả năng nghiên cứu và sử dụng các phần mềm tài chính; phần mềm tại các ngân hàng.	THTC0123L	Thực hành Tài chính - Ngân hàng ( theo chủ đề từng khoá đào tạo)	TLM1,TLM4,TLM7,TLM9,TLM15	AM1,AM3,AM4,AM7,AM8,AM9
	TCCN0123L	Tài chính cá nhân	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	KTTE0123H	Kế toán thuế	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	QTCL0523H	Quản trị chiến lược	TLM2,TLM4,TLM7,TLM8,TLM9,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM3,AM4,AM5,AM8,AM9
	QTĐT122L	Quản trị danh mục đầu tư	TLM1,TLM2,TLM4,TLM11,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	KTCB0123H	Kiểm toán căn bản	TLM1,TLM2,TLM4,TLM14,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	NHPH0123L	Ngân hàng phát triển	TLM1,TLM2,TLM4,TLM9,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	TTTC0224T	Thực tập cuối khóa	TLM1,TLM2,TLM6,TLM7,TLM11,TLM14,TLM15	AM1,AM10
	KLTC0226T	Khóa luận tốt nghiệp	TLM1,TLM6,TLM11,TLM15	AM1,AM10
	ĐGTC0123L	Định giá tài chính doanh nghiệp	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
QTDT0123L	Quản trị dòng tiền	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM15	AM1,AM2,AM3,AM4,AM5	
<b>PLO8:</b> Có khả năng đưa ra kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường, biết đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn, biết lập kế hoạch và điều phối thực hiện kế hoạch, biết phát huy trí	NLTK1322H	Nguyên lý thống kê	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM8,TLM15	AM1,AM2,AM4
	LKTE1022H	Luật Kinh tế	TLM2,TLM7,TLM9,TLM10,	AM1,AM4,AM5
	TCTT0122H	Tài chính - Tiền tệ	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM3,AM4,AM5,AM8,AM9
	NLK10122H	Nguyên lý kế toán 1	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	KTQT0522H	Kinh tế quốc tế	TLM2,TLM4,TLM7,TLM8,TLM9,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM3,AM4,AM5,AM8,AM9
	NMNH0123L	Nhập môn ngân hàng thương mại	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	TTTC0123L	Thị trường tài chính	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	KTLU1122H	Kinh tế lượng	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM8,TLM9,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM3,AM4,AM9
	KSNB0122H	Kiểm soát nội bộ	TLM1,TLM2,TLM4,TLM14,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	TCDN0123H	Quản trị tài chính doanh nghiệp	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
KTC10123H	Kế toán tài chính 1	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5	
TCSN0123H	Quản trị tài chính đơn vị	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5	



tuệ tập thể.

	hành chính sự nghiệp		
KTQT0123H	Kế toán quản trị	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
TĐTC0122L	Thẩm định tài chính dự án đầu tư	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
ĐTCK0122L	Phân tích đầu tư chứng khoán	TLM1,TLM2,TLM4,TLM11,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
NHTW0122L	Ngân hàng Trung ương và Chính sách tiền tệ	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
KTNH0122L	Kế toán ngân hàng	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
KTC20123H	Kế toán tài chính 2	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
TCQT0123L	Tài chính quốc tế	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM15	AM1,AM2,AM3,AM4,AM5
QTNH0123L	Quản trị ngân hàng thương mại	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM15	AM1,AM2,AM3,AM4,AM5
PTTC0123H	Phân tích báo cáo tài chính	TLM1,TLM2,TLM4,TLM11,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
TDN20123L	Quản trị tài chính doanh nghiệp chuyên sâu	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM15	AM1,AM2,AM3,AM4,AM5
RRTC0123L	Quản trị rủi ro tài chính	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
QLNH0122L	Quản lý Ngân hàng điện tử	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
THTC0123L	Thực hành Tài chính - Ngân hàng ( theo chủ đề từng khoá đào tạo)	TLM1,TLM4,TLM7,TLM9,TLM15	AM1,AM3,AM4,AM7,AM8,AM9
TCCN0123L	Tài chính cá nhân	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
KTTE0123H	Kế toán thuế	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
QTCL0523H	Quản trị chiến lược	TLM2,TLM4,TLM7,TLM8,TLM9,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM3,AM4,AM5,AM8,AM9
QTĐT122L	Quản trị danh mục đầu tư	TLM1,TLM2,TLM4,TLM11,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
KTCB0123H	Kiểm toán căn bản	TLM1,TLM2,TLM4,TLM14,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
NHPH0123L	Ngân hàng phát triển	TLM1,TLM2,TLM4,TLM9,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
TTTC0224T	Thực tập cuối khóa	TLM1,TLM2,TLM6,TLM7,TLM11,TLM14,TLM15	AM1,AM10
KLTC0226T	Khóa luận tốt nghiệp	TLM1,TLM6,TLM11,TLM15	AM1,AM10

	DGTC0123L	Định giá tài chính doanh nghiệp	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	QTDT0123L	Quản trị dòng tiền	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM15	AM1,AM2,AM3,AM4,AM5
	TCC11122L	Toán cao cấp 1	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM8,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5,AM8
	TCC21122L	Toán cao cấp 2	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM8,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM8
	XSTK1123L	Lý thuyết xác suất và TK toán	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM8,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5,AM8
	THML0723H	Triết học Mác - Lênin	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM8,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM7
	KTCT0722H	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM8,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM7
	TTCM0722H	Tư tưởng Hồ chí Minh	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM8,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM3,AM5,AM7
	LSUD0722H	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM8,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM3,AM4
	CNXH0722H	Chủ nghĩa xã hội khoa học	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM7
	PLĐC1022H	Pháp luật đại cương	TLM2,TLM7,TLM9,TLM10,	AM1,AM4,AM5
	TCB11222H	Tin học cơ bản 1	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM8,TLM15	AM1,AM2,AM9
	TCB21222H	Tin học cơ bản 2	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM8,TLM15	AM1,AM2,AM9
	STVB1022H	Soạn thảo văn bản	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM8,TLM9,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM4
	NCKH0722L	Phương pháp luận NCKH	TLM2,TLM4,TLM7,TLM10,TLM12,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM7
	LOGI0722L	Logic học	TLM1,TLM2,TLM4,TLM8,TLM15	AM1,AM2,AM4,
	TLĐC0322L	Tâm lý học đại cương	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM15	AM1,AM2,AM3,AM4,AM5,AM8
	TAC10622H	Tiếng Anh cơ bản 1	TLM1,TLM8,TLM9,TLM10,	AM1,AM5
	TAC20623H	Tiếng Anh cơ bản 2	TLM1,TLM8,TLM9,TLM10,	AM1,AM5
	TAKT0623H	Tiếng Anh chuyên ngành TCNH	TLM1,TLM8,TLM9,TLM10,	AM1,AM4
<b>PLO9:</b> Có phẩm chất đạo đức trong học	ViMO0523H	Kinh tế vi mô	TLM1,TLM2,TLM9,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	ViMO0523H	Kinh tế vĩ mô	TLM1,TLM2,TLM9,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM3,AM5,AM8
	NLTK1322H	Nguyên lý thống kê	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM8,TLM15	AM1,AM2,AM4

tập và nghề nghiệp, có trách nhiệm của công dân, trách nhiệm xã hội và trách nhiệm với tổ chức; có sức khỏe tốt để làm việc, năng động và bản lĩnh, luôn sẵn sàng làm việc trong điều kiện môi trường công việc với áp lực cao cùng tinh thần luôn cầu tiến và ham học hỏi.

LKTE1022H	Luật Kinh tế	TLM2,TLM7,TLM9,TLM10,	AM1,AM4,AM5
MARC0522H	Marketing căn bản	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM8,TLM9,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
TCTT0122H	Tài chính - Tiền tệ	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM3,AM4,AM5,AM8,AM9
NLK10122H	Nguyên lý kế toán 1	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
KTQT0522H	Kinh tế quốc tế	TLM2,TLM4,TLM7,TLM8,TLM9,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM3,AM4,AM5,AM8,AM9
NMNH0123L	Nhập môn ngân hàng thương mại	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
TTTC0123L	Thị trường tài chính	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
KTLU1122H	Kinh tế lượng	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM8,TLM9,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM3,AM4,AM9
VHDN0522H	Văn hóa doanh nghiệp	TLM2,TLM4,TLM7,TLM8,TLM9,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM3,AM4,AM5,AM8
KNGT0322H	Kỹ năng giao tiếp	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM15	AM1,AM2,AM3,AM4,AM5,AM8
KSNB0122H	Kiểm soát nội bộ	TLM1,TLM2,TLM4,TLM14,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
TCDN0123H	Quản trị tài chính doanh nghiệp	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
KTC10123H	Kế toán tài chính 1	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
TCSN0123H	Quản trị tài chính đơn vị hành chính sự nghiệp	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
KTQT0123H	Kế toán quản trị	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
TĐTC0122L	Thẩm định tài chính dự án đầu tư	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
ĐTCK0122L	Phân tích đầu tư chứng khoán	TLM1,TLM2,TLM4,TLM11,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
NHTW0122L	Ngân hàng Trung ương và Chính sách tiền tệ	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
KTNH0122L	Kế toán ngân hàng	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
KTC20123H	Kế toán tài chính 2	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
TCQT0123L	Tài chính quốc tế	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM15	AM1,AM2,AM3,AM4,AM5
QTNH0123L	Quản trị ngân hàng thương mại	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM15	AM1,AM2,AM3,AM4,AM5

PTTC0123H	Phân tích báo cáo tài chính	TLM1,TLM2,TLM4,TLM11,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
TDN20123L	Quản trị tài chính doanh nghiệp chuyên sâu	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM15	AM1,AM2,AM3,AM4,AM5
RRTC0123L	Quản trị rủi ro tài chính	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
QLNH0122L	Quản lý Ngân hàng điện tử	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
THTC0123L	Thực hành Tài chính - Ngân hàng ( theo chủ đề từng khoá đào tạo)	TLM1,TLM4,TLM7,TLM9,TLM15	AM1,AM3,AM4,AM7,AM8,AM9
TCCN0123L	Tài chính cá nhân	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
KTTE0123H	Kế toán thuế	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
QTCL0523H	Quản trị chiến lược	TLM2,TLM4,TLM7,TLM8,TLM9,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM3,AM4,AM5,AM8,AM9
QTĐT122L	Quản trị danh mục đầu tư	TLM1,TLM2,TLM4,TLM11,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
KTCB0123H	Kiểm toán căn bản	TLM1,TLM2,TLM4,TLM14,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
NHPH0123L	Ngân hàng phát triển	TLM1,TLM2,TLM4,TLM9,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
TTTC0224T	Thực tập cuối khóa	TLM1,TLM2,TLM6,TLM7,TLM11,TLM14,TLM15	AM1,AM10
KLTC0226T	Khóa luận tốt nghiệp	TLM1,TLM6,TLM11,TLM15	AM1,AM10
ĐGTC0123L	Định giá tài chính doanh nghiệp	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
QTDT0123L	Quản trị dòng tiền	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM15	AM1,AM2,AM3,AM4,AM5
TCC11122L	Toán cao cấp 1	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM8,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5,AM8
TCC21122L	Toán cao cấp 2	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM8,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM8
XSTK1123L	Lý thuyết xác suất và TK toán	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM8,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5,AM8
THML0723H	Triết học Mác - Lênin	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM8,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM7
KTCT0722H	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM8,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM7
TTCM0722H	Tư tưởng Hồ chí Minh	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM8,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM3,AM5,AM7
LSUD0722H	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM8,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM3,AM4

CNXH0722H	Chủ nghĩa xã hội khoa học	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM7
PLĐC1022H	Pháp luật đại cương	TLM2,TLM7,TLM9,TLM10,	AM1,AM4,AM5
TCB11222H	Tin học cơ bản 1	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM8,TLM15	AM1,AM2,AM9
TCB21222H	Tin học cơ bản 2	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM8,TLM15	AM1,AM2,AM9
STVB1022H	Soạn thảo văn bản	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM8,TLM9,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM4
NCKH0722L	Phương pháp luận NCKH	TLM2,TLM4,TLM7,TLM10,TLM12,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM7
LOGI0722L	Logic học	TLM1,TLM2,TLM4,TLM8,TLM15	AM1,AM2,AM4,
TLĐC0322L	Tâm lý học đại cương	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM15	AM1,AM2,AM3,AM4,AM5,AM8
TAC10622H	Tiếng Anh cơ bản 1	TLM1,TLM8,TLM9,TLM10,	AM1,AM5
TAC20623H	Tiếng Anh cơ bản 2	TLM1,TLM8,TLM9,TLM10,	AM1,AM5
TAKT0623H	Tiếng Anh chuyên ngành TCNH	TLM1,TLM8,TLM9,TLM10,	AM1,AM4
TDDK1421T	Thế dục - Điền kinh	TLM1, TLM4,TLM7,TLM8,TLM9,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM3,AM9
BOCI1421T	Bóng chuyền 1	TLM1,TLM2,TLM4,TLM5,TLM7,TLM8,TLM9,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM9
BOC21421T	Bóng chuyền 2	TLM1,TLM2,TLM4,TLM5,TLM7,TLM8,TLM9,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM9
BORI1421T	Bóng rổ 1	TLM1,TLM2,TLM4,TLM5,TLM7,TLM8,TLM9,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM9
BOR21421T	Bóng rổ 2	TLM1,TLM2,TLM4,TLM5,TLM7,TLM8,TLM9,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM3,AM9
CLO11421T	Cầu lông 1	TLM1,TLM2,TLM4, TLM7,TLM8,TLM9,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM9
CLO21421T	Cầu lông 2	TLM1,TLM2,TLM4, TLM7,TLM8,TLM9,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM9
COV11421T	Cờ vua 1	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM8,TLM9,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM3,AM6
COV21421T	Cờ vua 2	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM8,TLM9,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM3,AM6
COV31421T	Cờ vua 3	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM8,TLM9,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM3,AM6
DLQP1423L	Đường lối quốc phòng và an ninh Đảng cộng sản Việt Nam	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7	AM1,AM5
CTQP1422L	Công tác quốc phòng và an ninh	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7	AM1,AM5

	QSUC1421L	Quân sự chung	TLM1,TLM2,TLM6,TLM7,TLM8, TLM10	AM1,AM5
	KTCD1422T	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	TLM1,TLM2,TLM6, TLM9, TLM10	AM1,AM9
<b>PLO10:</b> Có ý thức tự học để tích lũy thêm kiến thức và kinh nghiệm nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ thông qua bậc học cao hơn hay các khóa học lấy chứng chỉ nghề nghiệp của Việt Nam và quốc tế.	TCTT0122H	Tài chính - Tiền tệ	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM3,AM4,AM5,AM8,AM9
	NLK10122H	Nguyên lý kế toán 1	TLM2,TLM4,TLM7,TLM8,TLM9,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM3,AM4,AM5,AM8,AM9
	KTQT0522H	Kinh tế quốc tế	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	NMNH0123L	Nhập môn ngân hàng thương mại	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	TTTC0123L	Thị trường tài chính	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM8,TLM9,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM3,AM4,AM9
	KSNB0122H	Kiểm soát nội bộ	TLM1,TLM2,TLM4,TLM14,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	TCDN0123H	Quản trị tài chính doanh nghiệp	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	KTC10123H	Kế toán tài chính 1	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	TCSN0123H	Quản trị tài chính đơn vị hành chính sự nghiệp	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	KTQT0123H	Kế toán quản trị	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	TĐTC0122L	Thẩm định tài chính dự án đầu tư	TLM1,TLM2,TLM4,TLM11,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	ĐTCK0122L	Phân tích đầu tư chứng khoán	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	NHTW0122L	Ngân hàng Trung ương và Chính sách tiền tệ	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	KTNH0122L	Kế toán ngân hàng	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	KTC20123H	Kế toán tài chính 2	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM15	AM1,AM2,AM3,AM4,AM5
	TCQT0123L	Tài chính quốc tế	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM15	AM1,AM2,AM3,AM4,AM5
	QTNH0123L	Quản trị ngân hàng thương mại	TLM1,TLM2,TLM4,TLM11,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	PTTC0123H	Phân tích báo cáo tài chính	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM15	AM1,AM2,AM3,AM4,AM5
TDN20123L	Quản trị tài chính doanh nghiệp chuyên sâu	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5	

	RRTC0123L	Quản trị rủi ro tài chính	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	QLNH0122L	Quản lý Ngân hàng điện tử	TLM1,TLM4,TLM7,TLM9,TLM15	AM1,AM3,AM4,AM7,AM8,AM9
	THTC0123L	Thực hành Tài chính - Ngân hàng ( theo chủ đề từng khoá đào tạo)	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	TCCN0123L	Tài chính cá nhân	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	KTTE0123H	Kế toán thuế	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM3,AM4,AM5,AM8,AM9
	QTĐT122L	Quản trị danh mục đầu tư	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM14,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	KTCB0123H	Kiểm toán căn bản	TLM1,TLM2,TLM4,TLM14,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	NHPH0123L	Ngân hàng phát triển	TLM1,TLM2,TLM6,TLM7,TLM11,TLM14,TLM15	AM1,AM10
	TTTC0224T	Thực tập cuối khóa	TLM1,TLM6,TLM11,TLM15	AM1,AM10
	KLTC0226T	Khóa luận tốt nghiệp	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	ĐGTC0123L	Định giá tài chính doanh nghiệp	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM15	AM1,AM2,AM3,AM4,AM5
	QTDT0123L	Quản trị dòng tiền	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM8,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM8
<b>TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGŨ (PLO11):</b> Người học tốt nghiệp có trình độ Tiếng Anh đạt TOEIC 400 điểm hoặc tương đương.	KLTC0226T	Khóa luận tốt nghiệp	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
	TAC10622H	Tiếng Anh cơ bản 1	TLM1,TLM8,TLM9,TLM10,	AM1,AM5
	TAC20623H	Tiếng Anh cơ bản 2	TLM1,TLM8,TLM9,TLM10,	AM1,AM4
	TAKT0623H	Tiếng Anh chuyên ngành TCNH	TLM1,TLM4,TLM7,TLM8,TLM9,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM3,AM9

**TRÌNH ĐỘ  
TIN HỌC  
(PLO12):**

Người học tốt nghiệp có khả năng sử dụng thành thạo tin học cơ bản đạt chuẩn đầu ra quy định tại thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông hoặc tương đương. Sử dụng thành thạo phần mềm cần thiết phục vụ công việc chuyên môn.

KTLU1122H	Kinh tế lượng	TLM2,TLM4,TLM7,TLM8,TLM9,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM3,AM4,AM5,AM8
KLTC0226T	Khóa luận tốt nghiệp	TLM1,TLM2,TLM4,TLM15	AM1,AM2,AM4,AM5
TCB11222H	Tin học cơ bản 1	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM8,TLM15	AM1,AM2,AM9
TCB21222H	Tin học cơ bản 2	TLM1,TLM2,TLM4,TLM7,TLM8,TLM9,TLM10,TLM15	AM1,AM2,AM4,



## II. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY

### 2.1. Cấu trúc chương trình giảng dạy

Kiến thức toàn khóa học: 121 tín chỉ tích lũy + Giáo dục thể chất (3 tín chỉ) không tích lũy + Giáo dục quốc phòng an ninh (165 tiết) không tích lũy. Trong đó:

**Bảng 2.1. Cấu trúc chương trình giảng dạy ngành Tài chính – Ngân hàng**

Khối kiến thức và lập luận về ngành		Số tín chỉ	Tỷ lệ %
<b>1.1</b>	<b>Kiến thức cơ bản, nền tảng của ngành</b>	<b>28</b>	<b>23.1</b>
<b>1.2</b>	<b>Kiến thức cơ sở ngành cốt lõi</b>	<b>23</b>	<b>19.0</b>
<b>1.3</b>	<b>Kiến thức cơ sở ngành nâng cao, phương pháp và công cụ</b>	<b>36</b>	<b>29.8</b>
<b>1.4</b>	<b>Kiến thức nền tảng rộng</b>	<b>24</b>	<b>19.8</b>
1.4.1	Khoa học tự nhiên	7	<b>5.8</b>
1.4.2	Khoa học chính trị	11	<b>9.1</b>
1.4.3	Pháp luật	2	<b>1.7</b>
1.4.4	Tin học	4	<b>3.3</b>
<b>1.5</b>	<b>Kiến thức khác ngành</b>	<b>2</b>	<b>1.7</b>
<b>1.6</b>	<b>Kiến thức đại cương khác</b>	<b>8</b>	<b>6.6</b>
1.6.1	Ngoại ngữ (tiếng Anh)	8	
1.6.2	Giáo dục thể chất (3 tín chỉ) không tích lũy		
1.6.3	Giáo dục quốc phòng an ninh (165 tiết) không tích lũy		
<b>Tổng cộng:</b>		<b>121</b>	<b>100</b>

## **2.2. Các khối kiến thức chương trình giảng dạy**

### **2.2.1. Khối kiến thức cơ bản, nền tảng ngành (28 tín chỉ)**

Khối kiến thức này nhằm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản như sau:

- Hệ thống các kiến thức tổng quát về kinh tế học Vĩ mô, kinh tế học Vi mô.
- Hệ thống các kiến thức cơ bản về Luật kinh tế, marketing căn bản.
- Hệ thống kiến thức, vai trò, nguyên tắc cơ bản được áp dụng về nguyên lý thống kê, Nguyên lý kế toán 1
- Hệ thống những kiến thức cơ bản về tài chính, quản trị: Tài chính tiền tệ, Nhập môn Ngân hàng thương mại, kinh tế quốc tế, Thị trường tài chính

### **2.2.2. Khối kiến thức cơ sở ngành cốt lõi (23 tín chỉ)**

Khối kiến thức này nhằm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản và hiện đại như sau:

- Kiến thức nền tảng và hiện đại về Quản trị tài chính doanh nghiệp, Quản trị tài chính đơn vị hành chính sự nghiệp.
- Kiến thức nền tảng và hiện đại về Kế toán tài chính.
- Kiến thức nền tảng và hiện đại về Thẩm định tài chính dự án đầu tư
- Kiến thức nền tảng và hiện đại về Kế toán quản trị, Kế toán ngân hàng
- Kiến thức nền tảng và hiện đại về Phân tích đầu tư chứng khoán
- Kiến thức nền tảng và hiện đại về Ngân hàng trung ương và chính sách tiền tệ

### **2.2.3. Khối kiến thức cơ sở ngành nâng cao, phương pháp và công cụ (36 tín chỉ)**

Khối kiến thức này nhằm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản như sau:

- Kiến thức chuyên sâu và công cụ: Tài chính quốc tế, phân tích báo tích báo cáo tài chính
- Kiến thức chuyên sâu về quản lý thông tin ngân hàng: Quản lý ngân hàng điện tử
- Kiến thức chuyên sâu về quản trị doanh nghiệp: Quản trị ngân hàng thương

mai, Quản trị tài chính doanh nghiệp chuyên sâu, Quản trị rủi ro tài chính.

- Kiến thức chuyên sâu về thực hành các vấn đề liên quan đến tài chính, ngân hàng: Thực hành Tài chính -Ngân hàng.

- Kiến thức chuyên sâu về tài chính cá nhân: Tài chính cá nhân

- Kiến thức chuyên sâu trong phát triển Ngân hàng: Ngân hàng phát triển

- Kiến thức chuyên sâu về quản trị đầu tư, quản trị chiến lược: Quản trị danh mục đầu tư, Quản trị chiến lược

- Kiến thức chuyên sâu về kế toán, kiểm toán: Kế toán thuế, Kiểm toán căn bản

- Ứng dụng các kiến thức vào học phần thực tập tốt nghiệp và khóa luận tốt nghiệp cho sinh viên.

#### **2.2.4. Kiến thức nền tảng rộng (24 tín chỉ)**

Khối kiến thức này nhằm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản như sau:

- Tư duy toán học, có thể vận dụng các mô hình toán học thông dụng của xác suất – thống kê, toán cao cấp để đo lường, đánh giá, phân tích các đại lượng kinh tế.

- Kiến thức hệ thống triết học, kinh tế chính trị, chủ nghĩa xã hội khoa học, những kiến thức cơ bản, có tính hệ thống về tư tưởng Hồ Chí Minh, lịch sử, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam. Có thể vận dụng các nguyên lý cơ bản, tư tưởng và đường lối để giải thích các hiện tượng, quá trình kinh tế - xã hội.

- Chính sách, pháp luật của nhà nước trong lĩnh vực kinh tế nói chung và trong lĩnh vực hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và môi trường kinh doanh nói riêng.

- Các công cụ xử lý, lưu trữ thông tin thông dụng trên máy tính, các ứng dụng tin học văn phòng để giải quyết công việc hàng ngày.

#### **2.2.5. Kiến thức ngành gần, khác ngành (2 tín chỉ)**

- Kiến thức cơ bản về tư duy logic, phương pháp nghiên cứu khoa học, hình thành và phát triển các kỹ năng nghề nghiệp: Soạn thảo văn bản.

- Nắm vững kiến thức về tâm lý học để làm nền tảng cho việc ứng dụng vào hoạt động quản trị và kinh doanh.

#### **2.2.6. Kiến thức đại cương khác (8 tín chỉ):**

- Kiến thức và kỹ năng ngoại ngữ.

- Kiến thức khoa học cơ bản trong thể dục thể thao và quá trình tự rèn luyện phát triển thể chất.

- Nội dung cơ bản về công tác quốc phòng – an ninh của Đảng, Nhà nước trong tình hình mới

**Bảng 2.2. Ma trận liên hệ giữa các khối kiến thức và Chuẩn đầu ra (PLOs)**

TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ		Chuẩn đầu ra (PLOs)												
		SL	%	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
1	Kiến thức cơ bản, nền tảng của ngành	28	23,1	M	H	M	M				M	M			M	
2	Kiến thức cơ sở ngành cốt lõi	23	23		H	H	H	L	L	H	H	M	H			M
3	Kiến thức cơ sở ngành nâng cao, phương pháp và công cụ	36	29,8		H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	M
4	Kiến thức nền tảng rộng	24	19,8	H	H		M	H	H	H				H		H
5	Kiến thức khác ngành	2	1,7	M	L					H	H	H				H
6	Kiến thức đại cương khác	8	6,6	H			H		M	M		M	H	H	L	

Chú thích: H - Cao, M - Trung bình, L - Thấp

## 2.3. Danh sách học phần

**Bảng 2.3. Danh sách các học phần trong chương trình giảng dạy ngành Tài chính – Ngân hàng**

TT	Mã HP	Tên học phần		Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành
				<i>(Lý thuyết – LT; Thực hành – TH; Thí nghiệm – TN; Đồ án – ĐA; Thực tập – TT)</i>						
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Tổng	LT	TH/TN	ĐA	TT		
<b>1.1 Kiến thức cơ bản, nền tảng của ngành</b>				<b>28</b>						
<b>1.1.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>			<b>24</b>						
1.1.1.1	ViMO0523H	Kinh tế vi mô	Microeconomics	3	3					
1.1.1.2	ViMO0523H	Kinh tế vĩ mô	Macroeconomics	3	3					
1.1.1.3	NLTK1322H	Nguyên lý thống kê	Statistics Theory	2	2				TCC11122L TCC21122L	
1.1.1.4	LKTE1022H	Luật Kinh tế	Economic law	2	2					
1.1.1.5	MARC0522H	Marketing căn bản	Marketing principles	2	2					
1.1.1.6	TCTT0122H	Tài chính - Tiền tệ	Money and Finance	2	2					
1.1.1.7	NLK10122H	Nguyên lý kế toán 1	Accounting Principles 1	2	2					
1.1.1.8	KTQT0522H	Kinh tế quốc tế	International economics	2	2					
1.1.1.9	NMNH0123L	Nhập môn Ngân hàng thương mại	Commerical Bank	3	3					
1.1.1.10	TCSN0123H	Thị trường tài chính	Financial markets	3	3					
<b>1.1.2</b>	<b>Các học phần tự chọn (chọn 2/4)</b>			<b>4</b>						

TT	Mã HP	Tên học phần		Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành
				<i>(Lý thuyết – LT; Thực hành – TH; Thí nghiệm – TN; Đồ án – ĐA; Thực tập – TT)</i>						
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Tổng	LT	TH/TN	ĐA	TT		
1.1.2.1	KTLU1122H	Kinh tế lượng	Econometric	2	2					
1.1.2.2	VHDN0522H	Văn hóa doanh nghiệp	Corporate Culture	2	2					
1.1.2.3	KNGT0322H	Kỹ năng giao tiếp	Communication skills	2	2					
1.1.2.4	KSNB0122H	Kiểm soát nội bộ	Internal control	2	2					
<b>1.2 Kiến thức cơ sở ngành cốt lõi</b>				<b>23</b>						
<b>1.2.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>			<b>23</b>						
1.2.1.1	TCDN0123H	Quản trị tài chính doanh nghiệp	Corporate Finance Management	3	3					
1.2.1.2	KTC10123H	Kế toán tài chính 1	Financial Accounting 1	3	2					
1.2.1.3	TCSN0123H	Quản trị tài chính đơn vị hành chính sự nghiệp	Financial Management in Public Sector	3						
1.2.1.4	KTC20123H	Kế toán tài chính 2	Financial Accounting 2	3	3					
1.2.1.5	ĐTCK0122L	Phân tích đầu tư chứng khoán	Analysis of investment securities	2	3					

TT	Mã HP	Tên học phần		Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành
				<i>(Lý thuyết – LT; Thực hành – TH; Thí nghiệm – TN; Đồ án – ĐA; Thực tập – TT)</i>						
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Tổng	LT	TH/TN	ĐA	TT		
1.2.1.6	NHTW0122L	Ngân hàng Trung ương và Chính sách tiền tệ	Central Banking&Monetary policy	2	3					
1.2.1.7	KTNH0122L	Kế toán ngân hàng	Accounting for Banking	2	2					
1.2.1.8	KTQT0123H	Kế toán quản trị	Managerial Accounting	3	3					
1.2.1.9	TĐTC0122L	Thẩm định tài chính dự án đầu tư	Financial investment Project Evaluation	2	3					
<b>1.3 Kiến thức cơ sở ngành nâng cao, phương pháp và công cụ</b>				<b>36</b>						
<b>1.3.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>			<b>20</b>						
1.3.1.1	QTNH0123L	Quản trị Ngân hàng thương mại	Commercial Bank Management	3	3					
1.3.1.2	PTTC0123H	Phân tích báo cáo tài chính	Financial Statement Analysis	3	3					
1.3.1.3	TCQT0123L	Tài chính quốc tế	Intenational Finance	3						
1.3.1.4	QLNH0122L	Quản lý ngân hàng điện tử	Management of electronic Banking	2	3					
1.3.1.5	TDN20123L	Quản trị tài chính doanh nghiệp chuyên sâu	Specialisation in Corporate Finance Management	3	3					

TT	Mã HP	Tên học phần		Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành
				<i>(Lý thuyết – LT; Thực hành – TH; Thí nghiệm – TN; Đồ án – ĐA; Thực tập – TT)</i>						
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Tổng	LT	TH/TN	ĐA	TT		
1.3.1.6	THTC0123L	Thực hành Tài chính – Ngân hàng (theo chủ đề từng khóa đào tạo)	Reality practising for Finance - Banking	3	3					
1.3.1.7	RRTC0123L	Quản trị rủi ro tài chính	Financial Risk Management	3	3					
<b>1.3.2</b>	<b>Học phần tự chọn (chọn 2/6)</b>			<b>6</b>						
1.3.2.1	TCCN0123L	Tài chính cá nhân	Personal Finace	3	2					
1.3.2.2	KTTE0123H	Kế toán thuế	Tax Accounting	3	2					
1.3.2.3	QTCL0523H	Quản trị chiến lược	Strategic Management	3	2					
1.3.2.4	QTĐT0123L	Quản trị danh mục đầu tư	Portfolio management	3	2					
1.3.2.5	KTCB0123H	Kiểm toán căn bản	Principles of auditing	3	2					
1.3.2.6	NHPT0123L	Ngân hàng phát triển	Development Bank	3	2					
<b>1.3.3</b>	TTTC0224T	Thực tập cuối khóa	Final Internship	<b>4</b>				4	QTNH0123L TDN20123L	
<b>1.3.4</b>	<b>Học phần thay thế hoặc Khóa luận tốt nghiệp (Sinh viên viết Khóa luận hoặc học 2 học phần thay thế)</b>			<b>6</b>						
1.3.4.1	DGTC0123L	Định giá tài chính doanh nghiệp	Pricing for Bussiness Financing	3	3					
1.3.4.2	QTDT0123L	Quản trị dòng tiền	Cash Flow Management	3	3					



TT	Mã HP	Tên học phần		Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành
				<i>(Lý thuyết – LT; Thực hành – TH; Thí nghiệm – TN; Đồ án – ĐA; Thực tập – TT)</i>						
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Tổng	LT	TH/TN	ĐA	TT		
1.3.4.3	KLTC0226T	Khóa luận tốt nghiệp	Graduation Thesis	6			6		QTNH0123L TDN20123L	
<b>1.4 Kiến thức nền tảng rộng</b>				<b>24</b>						
<b>1.4.1 Khoa học tự nhiên</b>				<b>7</b>						
1.4.1.1	TCC11122L	Toán cao cấp 1	Advanced mathematics 1	2	2					
1.4.1.2	TCC21122L	Toán cao cấp 2	Advanced mathematics 2	2	2					
1.4.1.3	XSTK1123L	Lý thuyết xác suất và TK toán	Probability and Statistics	3	3					
<b>1.4.2 Khoa học chính trị</b>				<b>11</b>						
1.4.2.1	THML0723H	Triết học Mác - Lênin	Marxist Leninist Philosophy	3	3					
1.4.2.2	KTCT0722H	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Marxist Leninist Political Economics	2	2					
1.4.2.3	TTCM0722H	Tư tưởng Hồ chí Minh	Ho Chi Minh Ideology	2	2					
1.4.2.4	LSUD0722H	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	History of the Communist Party of Vietnam	2	2					

TT	Mã HP	Tên học phần		Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành
				<i>(Lý thuyết – LT; Thực hành – TH; Thí nghiệm – TN; Đồ án – ĐA; Thực tập – TT)</i>						
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Tổng	LT	TH/TN	ĐA	TT		
1.4.2.5	CNXH0722H	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Science socialism	2	2					
<b>1.4.3 Pháp luật</b>				<b>2</b>						
1.4.3.1	PLĐC1022H	Pháp luật đại cương	General law	2	2					
<b>1.4.4 Tin học</b>				<b>4</b>						
1.4.4.1	TCB11222H	Tin học cơ bản 1	Basic informatics 1	2	2					
1.4.4.2	TCB21222H	Tin học cơ bản 2	Basic informatics 2	2	2					
<b>1.5 Kiến thức khác ngành</b>				<b>2</b>						
<b>1.5.1</b>	<b>Học phần tự chọn (chọn 1/4)</b>			<b>2</b>						
1.5.1.1	STVB1022H	Soạn thảo văn bản	Text editor	2	2					
1.5.1.2	NCKH0722L	Phương pháp luận NCKH	Scientific research methodology	2	2					
1.5.1.3	LOGI0722L	Logic học	Logic	2	2					
1.5.1.4	TLĐC0322L	Tâm lý học đại cương	General psychology	2	2					
<b>1.6 Kiến thức đại cương khác</b>				<b>19</b>						
<b>1.6.1 Ngoại ngữ</b>				<b>8</b>						
1.6.1.1	TAC10622H	Tiếng Anh cơ bản 1	Basic English 1	2	2					
1.6.1.2	TAC20623H	Tiếng Anh cơ bản 2	Basic English 2	3	3				TAC10622H	
1.6.1.3	TANH0623L2H	Tiếng Anh chuyên ngành tài chính - ngân hàng	English for Fiance and Banking	3	3					

TT	Mã HP	Tên học phần		Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành
				<i>(Lý thuyết – LT; Thực hành – TH; Thí nghiệm – TN; Đồ án – ĐA; Thực tập – TT)</i>						
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Tổng	LT	TH/TN	ĐA	TT		
<b>1.6.2. Giáo dục thể chất (3 TC - Chọn 3/10 HP)</b>				<b>3</b>						
1.6.2.1	TDDK1421T	Thể dục - Điền kinh		1		1				
1.6.2.2	BOCI1421T	Bóng chuyền 1		1		1				
1.6.2.3	BOC21421T	Bóng chuyền 2		1		1				
1.6.2.4	BORI1421T	Bóng rổ 1		1		1				
1.6.2.5	BOR21421T	Bóng rổ 2		1		1				
1.6.2.6	CLO11421T	Cầu lông 1		1		1				
1.6.2.7	CLO21421T	Cầu lông 2		1		1				
1.6.2.8	COV11421T	Cờ vua 1		1		1				
1.6.2.9	COV21421T	Cờ vua 2		1		1				
1.6.2.10	COV31421T	Cờ vua 3		1		1				
<b>1.6.3. Giáo dục quốc phòng (165 tiết)</b>				<b>8</b>						
1.6.3.1	DLQP1423L	Đường lối quốc phòng và an ninh Đảng cộng sản Việt Nam		3	3					
1.6.3.2	CTQP1422L	Công tác quốc phòng và an ninh		2	2					
1.6.3.3	QSUC1421L	Quân sự chung		1	1					

TT	Mã HP	Tên học phần		Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành	
				<i>(Lý thuyết – LT; Thực hành – TH; Thí nghiệm – TN; Đồ án – ĐA; Thực tập – TT)</i>							
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Tổng	LT	TH/TN	ĐA	TT			
1.6.3.4	KTCD1422T	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật			2	2					
<b>Tổng cộng</b>					<b>121</b>						

#### 2.4. Ma trận đáp ứng giữa các học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

**Bảng 2.4. Ma trận đáp ứng giữa các học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

TT	Mã HP	Tên học phần	CHUẨN ĐẦU RA PLOs											
			Kiến thức				Kỹ năng				Mức tự chủ, chịu trách nhiệm		Trình độ Ngoại ngữ	Trình độ tin học
			PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12
<b>1.1 Kiến thức cơ bản, nền tảng của ngành</b>														
<b>1.1.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>													
1	ViMO0523H	Kinh tế vi mô	ITU	ITU			ITU	ITU			I			
2	ViMO0523H	Kinh tế vĩ mô	ITU	ITU			TU	TU			I			

3	NLTK1322H	Nguyên lý thống kê	ITU	ITU			ITU	ITU		ITU	TU			
4	LKTE1022H	Luật Kinh tế	ITU	ITU			TU	TU		TU	U			
5	MARC0522H	Marketing căn bản	TU	TU			TU	TU			U			
6	TCTT0122H	Tài chính - Tiền tệ		ITU	TU		TU	TU	TU	TU	IU	TU		
7	NLK10122H	Nguyên lý kế toán 1		ITU	ITU	ITU	TU	TU	TU	TU	TU	TU		
8	KTQT0522H	Kinh tế quốc tế	I	IT	T		T	T	T	T	I	I		
9	NMNH0123L	Nhập môn ngân hàng thương mại		ITU	TU	TU	TU	TU	TU	TU	IU	TU		
10	TTTC0123L	Thị trường tài chính	I	ITU	TU	TU	TU	TU	TU	TU	IU	TU		
<b>1.1.2</b>	<b>Các học phần tự chọn (chọn 2/4)</b>													
11	KTLU1122H	Kinh tế lượng	IT	ITU			ITU	ITU		ITU	U			ITU
12	VHDN0522H	Văn hóa doanh nghiệp	IT	IT			TU	TU			TU			
13	KNGT0322H	Kỹ năng giao tiếp	ITU				ITU	ITU			ITU			
14	KSNB0122H	Kiểm soát nội bộ		ITU	ITU	TU	TU	TU	TU	IU	IU	TU		
<b>1.2 Kiến thức cơ sở ngành cốt lõi</b>														
<b>1.2.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>													
15	TCDN0123H	Quản trị tài chính doanh nghiệp		ITU	TU	TU	TU	TU	TU	TU	IU	TU		
16	KTC10123H	Kế toán tài chính 1		ITU	ITU	ITU	TU	TU	TU	TU	IU	IU		
17	TCSN0123H	Quản trị tài chính đơn vị hành chính		ITU	TU	TU	TU	TU	TU	TU	IU	TU		

		sự nghiệp												
18	KTQT0123H	Kế toán quản trị		ITU	ITU	ITU	TU	TU	TU	TU	IU	IU		
19	TĐTC0122L	Thẩm định tài chính dự án đầu tư		ITU	TU	TU	TU	TU	TU	TU	IU	TU		
20	ĐTCK0122L	Phân tích đầu tư chứng khoán		ITU	TU	TU	TU	TU	TU	TU	IU	TU		
21	NHTW0122L	Ngân hàng Trung ương và Chính sách tiền tệ		ITU	TU	TU	TU	TU	TU	TU	IU	TU		
22	KTNH0122L	Kế toán ngân hàng		ITU	TU	TU	TU		TU	TU	IU	TU		
23	KTC20123H	Kế toán tài chính 2		IT	ITU	ITU	TU	TU	TU	TU	ITU	ITU		
<b>1.3 Kiến thức cơ sở ngành nâng cao, phương pháp và công cụ</b>														
<b>1.3.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>													
24	TCQT0123L	Tài chính quốc tế		ITU	TU	TU	TU	TU	TU	TU	IU	TU		
25	QTNH0123L	Quản trị ngân hàng thương mại		ITU	TU	TU	TU	TU	TU	TU	IU	TU		
26	PTTC0123H	Phân tích báo cáo tài chính	I	ITU	TU	TU	IU	IU	ITU	IU	IU	TU		
27	TDN20123L	Quản trị tài chính doanh nghiệp chuyên sâu		ITU	TU	TU	TU	TU	TU	TU	IU	TU		
28	RRTC0123L	Quản trị rủi ro tài chính		ITU	TU	TU	TU	TU	TU	TU	IU	TU		

29	QLNH0122L	Quản lý Ngân hàng điện tử		ITU	TU	TU	TU	TU	TU	TU	IU	TU		
30	THTC0123L	Thực hành Tài chính - Ngân hàng (theo chủ đề từng khoá đào tạo)		ITU	TU	TU	TU	TU	TU	TU	IU	TU		
<b>1.3.2</b>	<b>Học phần tự chọn (chọn 2/6)</b>													
31	TCCN0123L	Tài chính cá nhân		ITU	TU		TU	TU	TU	TU	IU	TU		
32	KTTE0123H	Kế toán thuế		ITU	ITU	ITU	TU	TU	TU	TU	IU	IU		
33	QTCL0523H	Quản trị chiến lược		ITU	TU		TU	TU	TU	TU	I			
34	QTĐT122L	Quản trị danh mục đầu tư		ITU	TU		TU	TU	TU	TU	IU	TU		
35	KTCB0123H	Kiểm toán căn bản		ITU	ITU	ITU	TU	TU	TU	TU	TU	IU		
36	NHPH0123L	Ngân hàng phát triển		ITU	TU		TU	TU	TU	TU	IU	TU		
1.3.3		<b>Thực tập cuối khóa</b>												
<b>37</b>	TTTC0224T	Thực tập cuối khóa	I	ITU	TU	TU	TU	TU	TU	TU	IU	TU		
<b>1.3.4</b>	<b>Học phần thay thế hoặc Khóa luận tốt nghiệp (Sinh viên viết Khóa luận hoặc học 2 học phần thay thế)</b>													
38	KLTC0226T	Khóa luận tốt nghiệp	I	ITU	TU	TU	TU	TU	TU	TU	IU	TU	IU	IU
39	ĐGTC0123L	Định giá tài chính doanh nghiệp		ITU	TU	TU	TU	TU	TU	TU	IU	TU		





<b>1.5.1</b>	<b>Học phần tự chọn (chọn 1/4)</b>													
52	STVB1022H	Soạn thảo văn bản	ITU	ITU		TU	TU	TU		TU	U			
53	NCKH0722L	Phương pháp luận NCKH	ITU	ITU		TU	TU	TU		TU	ITU			
54	LOGI0722L	Logic học	ITU	ITU		ITU	ITU	ITU		TU	ITU			
55	TLĐC0322L	Tâm lý học đại cương	ITU	ITU		ITU	TU	TU		TU	ITU			
<b>1.6 Kiến thức đại cương khác</b>														
<b>1.6.1 Ngoại ngữ</b>														
56	TAC10622H	Tiếng Anh cơ bản 1	IT	IT			TU	TU		TU	U		TU	
57	TAC20623H	Tiếng Anh cơ bản 2	IT	IT			TU	TU		TU	U		TU	
58	TAKT0623H	Tiếng Anh chuyên ngành TCNH	IT	IT	TU		TU	TU		TU	U		TU	
<b>1.6.2. Giáo dục thể chất (3 TC - Chọn 3/10 HP)</b>														
59	TDDK1421T	Thể dục - Điền kinh	IT				TU	TU			U			
60	BOCI1421T	Bóng chuyền 1	ITU				ITU	ITU			U			
61	BOC21421T	Bóng chuyền 2	ITU				ITU	ITU			U			
62	BOR11421T	Bóng rổ 1	ITU				ITU	ITU			U			
63	BOR21421T	Bóng rổ 2	ITU				ITU	ITU			U			
64	CLO11421T	Cầu lông 1	IT				ITU	ITU			U			
65	CLO21421T	Cầu lông 2	IT				ITU	ITU			U			
66	COV11421T	Cờ vua 1	IT				TU	TU			U			

67	COV21421T	Cờ vua 2	IT				TU	TU			U			
68	COV31421T	Cờ vua 3	IT				TU	TU			U			
<b>1.6.3. Giáo dục quốc phòng (165 tiết)</b>														
1.6.3.1	DLQP1423L	Đường lối quốc phòng và an ninh Đảng cộng sản Việt Nam	TU				U	U			TU			
1.6.3.2	CTQP1422L	Công tác quốc phòng và an ninh	TU				U	U			TU			
1.6.3.3	QSUC1421L	Quân sự chung	TU				U	U			TU			
1.6.3.4	KTCD1422T	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	TU				U	U			TU			

**Ghi chú: I - Introduce, T - Teach, U - Utilize**

## **2.5. Ma trận Chiến lược phương pháp dạy và học của các học phần nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra**

### **I. Dạy học trực tiếp**

TLM1 - Giải thích cụ thể (Explicit Teaching)

TLM2 - Thuyết giảng (Lecture)

TLM3 - Tham luận (Guest Lecture)

TLM4 - Câu hỏi gợi mở (Inquiry)

### **II Dạy học dựa vào hoạt động - Trải nghiệm**

TLM5 - Trò 'chơi (Game)

TLM6 - Thực tập, thực tế (Field Trip)

TLM7 - Thào luận (Discussion)

### **III Dạy kỹ năng tư duy**

TLM8 – Giải quyết vấn đề(Problem Solving)

TLM9 – Học theo tình huống( Case study)

### **IV.Dạy học tương tác**

TLM10 - Học nhóm (Teamwork Learning)

### **V. Dạy học theo hướng nghiên cứu – giảng dạy**

TLM11 – Nghiên cứu độc lập

TLM12 – Dự án Nghiên cứu (Research Project)

TLM13 – Nhóm nghiên cứu giảng dạy(Teaching Research Team)

### **VI. Dạy học dựa vào công nghệ**

TLM14 - Học trực tuyến (E-Leaming)

### **VII. Tự học**

TLM15- Bài tập ở nhà (Work Assignment)

TT	Mã HP	Tên học phần	Phương pháp dạy và học TMLs															
			I. Dạy học trực tiếp				Dạy học dựa vào hoạt động - Trải nghiệm			Dạy kỹ năng tu duy		Dạy học tương tác	Dạy học theo hướng nghiên cứu – giảng dạy			Dạy học dựa vào công nghệ	Tự học	
			TLM1	TLM2	TLM3	TLM4	TLM5	TLM6	TLM7	TLM8	TLM9		TLM10	TLM11	TLM12			TLM13
<b>1.1 Kiến thức cơ bản, nền tảng của ngành</b>																		
<b>1.1.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>																	
1	ViMO0523H	Kinh tế vi mô	X	X								X	X					X
2	ViMO0523H	Kinh tế vĩ mô	X	X		X						X	X					X
3	NLTK1322H	Nguyên lý thống kê	X	X		X				X	X							x
4	LKTE1022H	Luật Kinh tế		X						X		X	X					
5	MARC0522H	Marketing căn bản	X	X		X				X	X	X	X					X
6	TCTT0122H	Tài chính - Tiền tệ	X	X		X												X
7	NLK10122H	Nguyên lý kế toán 1	X	X		X												X
8	KTQT0522H	Kinh tế quốc tế		X		X				X	X	X	X					X
9	NMNH0123L	Nhập môn ngân hàng thương mại	X	X		X												X
10	TTTC0123L	Thị trường tài chính	X	X		X												X
<b>1.1.2</b>	<b>Các học phần tự chọn (chọn 2/4)</b>																	
11	KTLU1122H	Kinh tế lượng	X	X		X				X	X	X	X					X

12	VHDN0522H	Văn hóa doanh nghiệp		X		X			X	X	X	X					X
13	KNGT0322H	Kỹ năng giao tiếp	X	X		X			X								X
14	KSNB0122H	Kiểm soát nội bộ	X	X		X										X	X
<b>1.2 Kiến thức cơ sở ngành cốt lõi</b>																	
<b>1.2.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>																
15	TCDN0123H	Quản trị tài chính doanh nghiệp	X	X		X											X
16	KTC10123H	Kế toán tài chính 1	X	X		X											X
17	TCSN0123H	Quản trị tài chính đơn vị hành chính sự nghiệp	X	X		X											X
18	KTQT0123H	Kế toán quản trị	X	X		X											X
19	TĐTC0122L	Thẩm định tài chính dự án đầu tư	X	X		X											X
20	ĐTCK0122L	Phân tích đầu tư chứng khoán	X	X		X							X				X
21	NHTW0122L	Ngân hàng Trung ương và Chính sách tiền tệ	X	X		X											X
22	KTNH0122L	Kế toán ngân hàng	X	X		X											X
23	KTC20123H	Kế toán tài chính 2	X	X		X			X								X

1.3 Kiến thức cơ sở ngành nâng cao, phương pháp và công cụ																
<b>1.3.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>															
24	TCQT0123L	Tài chính quốc tế	X	X		X			X							X
25	QTNH0123L	Quản trị ngân hàng thương mại	X	X		X			X							X
26	PTTC0123H	Phân tích báo cáo tài chính	X	X		X						X				X
27	TDN20123L	Quản trị tài chính doanh nghiệp chuyên sâu	X	X		X			X							X
28	RRTC0123L	Quản trị rủi ro tài chính	X	X		X										X
29	QLNH0122L	Quản lý Ngân hàng điện tử	X	X		X										X
30	THTC0123L	Thực hành Tài chính - Ngân hàng (theo chủ đề từng khoá đào tạo)	X			X			X		X					X
<b>1.3.2</b>	<b>Học phần tự chọn (chọn 2/6)</b>															
31	TCCN0123L	Tài chính cá nhân	X	X		X										X
32	KTTE0123H	Kế toán thuế	X	X		X										X
33	QTCL0523H	Quản trị chiến lược		X		X			X	X	X	X				X
34	QTĐT122L	Quản trị danh mục đầu tư	X	X		X							X			X

35	KTCB0123H	Kiểm toán căn bản	X	X		X										X	X	
36	NHPH0123L	Ngân hàng phát triển	X	X		X					X							X
1.3.3		<b>Thực tập cuối khóa</b>																
37	TTTC0224T	Thực tập cuối khóa	X	X				X	X				X				X	X
1.3.4	<b>Học phân thay thế hoặc Khóa luận tốt nghiệp (Sinh viên viết Khóa luận hoặc học 2 học phân thay thế)</b>																	
38	KLTC0226T	Khóa luận tốt nghiệp	X					X					X					X
39	ĐGTC0123L	Định giá tài chính doanh nghiệp	X	X		X												X
40	QTDT0123L	Quản trị dòng tiền	X	X		X			X									X
<b>1.4 Kiến thức nền tảng rộng</b>																		
<b>1.4.1 Khoa học tự nhiên</b>																		
41	TCC11122L	Toán cao cấp 1	X	X		X			X	X		X						X
43	TCC21122L	Toán cao cấp 2	X	X		X			X	X		X						X
43	XSTK1123L	Lý thuyết xác suất và TK toán	X	X		X			X	X		X						X
<b>1.4.2 Khoa học chính trị</b>																		
44	THML0723H	Triết học Mác - Lênin	X	X		X			X	X		X						X
45	KTCT0722H	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	X	X		X			X	X		X						X
46	TTCM0722H	Tư tưởng Hồ chí	X	X		X			X	X		X						X

		Minh															
47	LSUD0722H	Lịch sử Đảng Công sản Việt Nam	X	X	X			X	X		X						X
48	CNXH0722H	Chủ nghĩa xã hội khoa học	X	X	X			X			X						X
<b>1.4.3 Pháp luật</b>																	
49	PLĐC1022H	Pháp luật đại cương		X				X		X	X						
<b>1.4.4 Tin học</b>																	
50	TCB11222H	Tin học cơ bản 1	X	X	X			X	X								X
51	TCB21222H	Tin học cơ bản 2	X	X	X			X	X								X
<b>1.5 Kiến thức khác ngành</b>																	
<b>1.5.1</b>	<b>Học phần tự chọn (chọn 1/4)</b>																
52	STVB1022H	Soạn thảo văn bản	X	X	X			X	X	X	X						X
53	NCKH0722L	Phương pháp luận NCKH		X	X			X			X		X				X
54	LOGI0722L	Logic học	X	X	X				X								X
55	TLĐC0322L	Tâm lý học đại cương	X	X	X			X									X
<b>1.6 Kiến thức đại cương khác</b>																	
<b>1.6.1 Ngoại ngữ</b>																	
56	TAC10622H	Tiếng Anh cơ bản 1	X						X	X	X						
57	TAC20623H	Tiếng Anh cơ bản 2	X						X	X	X						
58	TAKT0623H	Tiếng Anh chuyên ngành TCNH	X						X	X	X						



<b>1.6.2. Giáo dục thể chất (3 TC - Chọn 3/10 HP)</b>																	
59	TDDK1421T	Thể dục - Điền kinh	X			X			X	X	X	X					X
60	BOCI1421T	Bóng chuyền 1	X	X		X	X		X	X	X	X					X
61	BOC21421T	Bóng chuyền 2	X	X		X	X		X	X	X	X					X
62	BOR11421T	Bóng rổ 1	X	X		X	X		X	X	X	X					X
63	BOR21421T	Bóng rổ 2	X	X		x	X		X	X	X	X					X
64	CLO11421T	Cầu lông 1	X	X		X			X	X	X	X					X
65	CLO21421T	Cầu lông 2	X	X		X			X	X	X	X					X
66	COV11421T	Cờ vua 1	X	X		X			X	X	X	X					X
67	COV21421T	Cờ vua 2	X	X		X			X	X	X	X					X
68	COV31421T	Cờ vua 3	X	X		X			X	X	X	X					X
<b>1.6.3. Giáo dục quốc phòng (165 tiết)</b>																	
1.6.3.1	DLQP1423L	Đường lối quốc phòng và an ninh Đảng cộng sản Việt Nam	X	X		X			X								
1.6.3.2	CTQP1422L	Công tác quốc phòng và an ninh	X	X		X			X								
1.6.3.3	QSUC1421L	Quân sự chung	X	X				X	X	X		X					
1.6.3.4	KTCD1422T	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	X	X				X			X	X					

**Bảng 2.5. Ma trận Chiến lược phương pháp dạy và học của các học phần nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra**

## **2.6. Ma trận phương pháp đánh giá của các học phần nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra**

*Ghi chú:*

### **I. Đánh giá theo tiến trình (On-going / Formative Assessment)**

**AM1** Đánh giá chuyên cần (Attendance Check)

**AM2** Đánh giá bài tập (Work AssignmAMenl)

**AM3** Đánh giá thuyết trình (Oral Presentation)

### **II Đánh giá tổng kết /ì định kỳ (Sunimative Assessment)**

**AM4** Kiểm tra viết (Written Exam)

**AM5** Kiểm (ra trắc nghiệm (Multiple Choice Exam)

**AM6** ■ Bảo vệ và thi vấn đáp (Oral Exam)

**AM7** Viết báo cáo (Written Report)

**AM8** Đánh giá làm việc nhóm (Teamwork Assessment)

**AM9** Thực hành (Practice)

**AM 10** Báo cáo thực tập. khóa luận/ chuyên đề tốt nghiệp  
(Graduation Report/ Thesis)

**Bảng 2.6. Bảng ma trận phương pháp đánh giá các học phần đáp ứng chuẩn đầu ra**

TT	Mã HP	Tên học phần	Phương pháp đánh giá AMs									
			Đánh giá theo tiến trình			Đánh giá tổng kết, định kỳ						
			AM1	AM2	AM3	AM4	AM5	AM6	AM7	AM8	AM9	AM10
<b>1.1 Kiến thức cơ bản, nền tảng của ngành</b>												
<b>1.1.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>											
1	ViMO0523H	Kinh tế vi mô	X	X		X	X					
2	ViMO0523H	Kinh tế vĩ mô	X	X			X			X		
3	NLTK1322H	Nguyên lý thống kê	X	X		X						
4	LKTE1022H	Luật Kinh tế	X			X	X					
5	MARC0522H	Marketing căn bản	X	X		X	X					
6	TCTT0122H	Tài chính - Tiền tệ	X	X		X	X					
7	NLK10122H	Nguyên lý kế toán 1	X	X		X	X					
8	KTQT0522H	Kinh tế quốc tế	X	X	X	X	X			X	X	
9	NMNH0123L	Nhập môn ngân hàng thương mại	X	X		X	X					
10	TTTC0123L	Thị trường tài chính	X	X		X	X					

<b>1.1.2</b>	<b>Các học phần tự chọn (chọn 2/4)</b>											
11	KTLU1122H	Kinh tế lượng	X	X	X	X					X	
12	VHDN0522H	Văn hóa doanh nghiệp	X	X	X	X	X			X		
13	KNGT0322H	Kỹ năng giao tiếp	X	X	X	X	X			X		
14	KSNB0122H	Kiểm soát nội bộ	X	X		X	X					
<b>1.2 Kiến thức cơ sở ngành cốt lõi</b>												
<b>1.2.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>											
15	TCDN0123H	Quản trị tài chính doanh nghiệp	X	X		X	X					
16	KTC10123H	Kế toán tài chính 1	X	X		X	X					
17	TCSN0123H	Quản trị tài chính đơn vị hành chính sự nghiệp	X	X		X	X					
18	KTQT0123H	Kế toán quản trị	X	X		X	X					
19	TĐTC0122L	Thẩm định tài chính dự án đầu tư	X	X		X	X					
20	ĐTCK0122L	Phân tích đầu tư chứng khoán	X	X		X	X					
21	NHTW0122L	Ngân hàng Trung ương và Chính sách tiền tệ	X	X		X	X					
22	KTNH0122L	Kế toán ngân hàng	X	X		X	X					
23	KTC20123H	Kế toán tài chính 2	X	X		X	X					
<b>1.3 Kiến thức cơ sở ngành nâng cao, phương pháp và công cụ</b>												
<b>1.3.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>											
24	TCQT0123L	Tài chính quốc tế	X	X	X	X	X					

25	QTNH0123L	Quản trị ngân hàng thương mại	X	X	X	X	X					
26	PTTC0123H	Phân tích báo cáo tài chính	X	X		X	X					
27	TDN20123L	Quản trị tài chính doanh nghiệp chuyên sâu	X	X	X	X	X					
28	RRTC0123L	Quản trị rủi ro tài chính	X	X		X	X					
29	QLNH0122L	Quản lý Ngân hàng điện tử	X	X		X	X					
30	THTC0123L	Thực hành Tài chính - Ngân hàng (theo chủ đề từng khoá đào tạo)	X		X	X			X	X	X	
<b>1.3.2</b>	<b>Học phần tự chọn (chọn 2/6)</b>											
31	TCCN0123L	Tài chính cá nhân	X	X		X	X					
32	KTTE0123H	Kế toán thuế	X	X		X	X					
33	QTCL0523H	Quản trị chiến lược	X	X	X	X	X			X	X	
34	QTĐT122L	Quản trị danh mục đầu tư	X	X		X	X					
35	KTCB0123H	Kiểm toán căn bản	X	X		X	X					
36	NHPH0123L	Ngân hàng phát triển	X	X		X	X					
1.3.3		<b>Thực tập cuối khóa</b>										
<b>37</b>	TTTC0224T	Thực tập cuối khóa	X									X
<b>1.3.4</b>	<b>Học phần thay thế hoặc Khóa luận tốt nghiệp (Sinh viên viết Khóa luận hoặc học 2 học phần thay thế)</b>											
38	KLTC0226T	Khóa luận tốt nghiệp	X									X
39	ĐGTC0123L	Định giá tài chính doanh nghiệp	X	X		X	X					

40	QTDT0123L	Quản trị dòng tiền	X	X	X	X	X					
<b>1.4 Kiến thức nền tảng rộng</b>												
<b>1.4.1 Khoa học tự nhiên</b>												
41	TCC11122L	Toán cao cấp 1	X	X		X				X		
43	TCC21122L	Toán cao cấp 2	X	X		X				X		
43	XSTK1123L	Lý thuyết xác suất và TK toán	X	X		X	X			X		
<b>1.4.2 Khoa học chính trị</b>												
44	THML0723H	Triết học Mác - Lênin	X	X		X				X		
45	KTCT0722H	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	X	X		X				X		
46	TTCM0722H	Tư tưởng Hồ chí Minh	X	X	X			X		X		
47	LSUD0722H	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	X	X	X			X		X		
48	CNXH0722H	Chủ nghĩa xã hội khoa học	X	X		X				X		
<b>1.4.3 Pháp luật</b>												
49	PLĐC1022H	Pháp luật đại cương	X			X	X					
<b>1.4.4 Tin học</b>												
50	TCB11222H	Tin học cơ bản 1	X	X								X
51	TCB21222H	Tin học cơ bản 2	X	X								X
<b>1.5 Kiến thức khác ngành</b>												
<b>1.5.1</b>	<b>Học phần tự chọn (chọn 1/4)</b>											
52	STVB1022H	Soạn thảo văn bản	X	X		X						
53	NCKH0722L	Phương pháp luận NCKH	X	X		X				X		
54	LOGI0722L	Logic học	X	X		X						
55	TLĐC0322L	Tâm lý học đại cương	X	X	X	X	X				X	
<b>1.6 Kiến thức đại cương khác</b>												
<b>1.6.1 Ngoại ngữ</b>												
56	TAC10622H	Tiếng Anh cơ bản 1	X					X				



## 2.7. Tiến trình giảng dạy

**Bảng 2.7: SƠ ĐỒ TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG**

<b>Học kỳ I</b>	Kinh tế vi mô (3TC)	Nguyên lý kế toán 1 (2TC)	Toán cao cấp 1 (2TC)	Tư tưởng Hồ Chí Minh (2TC)	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (2TC)	Pháp luật đại cương (2TC)	Tin học cơ bản 1 (2TC)	Tiếng anh cơ bản 1 (2TC)		
<b>Học kỳ II</b>	Kinh tế Vi Mô (3TC)	Luật kinh tế (2TC)	Kinh tế lượng (2TC)	Văn hóa doanh nghiệp (2TC)	Kỹ năng giao tiếp (2TC)	Kiểm soát nội bộ (2 TC)	Toán cao cấp 2 (2TC)	Kinh tế chính trị Mác - Lênin (2TC)	Tin học cơ bản 2 (2TC)	Tiếng anh cơ bản 2 (3TC)
			Học phần tự chọn 2/4 HP (Tổng 4TC)							
<b>Học kỳ III</b>	Nguyên lý thống kê (2TC)	Marketing căn bản (2TC)	Tài chính - Tiền tệ (2TC)	Nhập môn Ngân hàng thương mại (3TC)	Lý thuyết xác suất và thống kê toán (3TC)	Triết học Mác - Lênin (3TC)	Soạn thảo văn bản (2TC)	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học (2TC)	Logic học (2TC)	Tâm lý học đại cương (2TC)
							Học phần tự chọn 1/4 HP (Tổng 2 TC)			
<b>Học kỳ IV</b>	Kinh tế quốc tế (2TC)	Quản trị tài chính doanh nghiệp (3TC)		Kế toán tài chính 1 (3TC)		Quản trị tài chính đơn vị hành chính sự nghiệp (3TC)	Kế toán quản trị (3TC)	Chủ nghĩa xã hội khoa học (2 TC)		
<b>Học kỳ V</b>	Thị trường tài chính (3TC)	Kế toán ngân hàng (2TC)	Kế toán tài chính 2 (3TC)	Tài chính cá nhân (3TC)	Kế toán thuế (3TC)	Quản trị chiến lược (3TC)	Quản trị danh mục đầu tư (3TC)	Kiểm toán căn bản (3TC)	Ngân hàng phát triển (3TC)	
				Học phần tự chọn 2/6 HP (Tổng 6TC)						
<b>Học kỳ VI</b>	Thẩm định tài chính dự án đầu tư (2TC)		Ngân hàng trung ương và chính sách tiền tệ (2TC)		Tài chính quốc tế (3TC)	Quản trị tài chính doanh nghiệp chuyên sâu (3TC)	Quản trị rủi ro tài chính (3TC)	Tiếng anh chuyên ngành tài chính ngân hàng (3TC)		
<b>Học kỳ VII</b>	Phân tích đầu tư chứng khoán (2TC)	Quản trị ngân hàng thương mại (3TC)		Phân tích báo cáo tài chính (3TC)	Quản lý ngân hàng điện tử (2TC)		Thực hành Tài chính - Ngân hàng (theo chủ đề từng khóa đào tạo) (3TC)			
<b>Học kỳ VIII</b>	Thực tập cuối khóa (4TC)		Khóa luận tốt nghiệp (6TC)		Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp					
					Định giá tài chính doanh nghiệp (3TC)	Quản trị dòng tiền (3TC)				



## **2.8. Mô tả tóm tắt nội dung các học phần**

### **1. Kinh tế vi mô**

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần Kinh tế vi mô được trình bày với mục tiêu giúp người học nghiên cứu nắm bắt được những nguyên lý kinh tế cơ bản trong Kinh tế học và Kinh tế vi mô nói riêng. Nội dung của học phần đi sâu vào những vấn đề cơ bản của thị trường như cung- cầu, độ co giãn, hành vi người tiêu dùng và doanh nghiệp (Sản xuất - Chi phí - Lợi nhuận) và cấu trúc thị trường.

### **2. Kinh tế vĩ mô**

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản khi xem xét nền kinh tế của quốc gia: Mô tả và đo lường các biến số kinh tế vĩ mô như GDP, GNP, giá cả, lạm phát, việc làm và tình trạng thất nghiệp, tiêu dùng, đầu tư, chi tiêu của chính phủ và thuế, cung cầu tiền, lãi suất, thâm hụt hay thặng dư thương mại...

### **3. Nguyên lý thống kê**

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản sau: Những vấn đề chung về Thống kê học; Điều tra Thống kê; Điều tra chọn mẫu; Tổng hợp Thống kê; Nghiên cứu thống kê các mức độ của hiện tượng kinh tế - xã hội; Phân tích Hồi quy và Tương quan; Phương pháp phân tích Dãy số thời gian; Chỉ số.

### **4. Luật kinh tế**

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về địa vị pháp lý của các chủ thể kinh doanh; pháp luật về giải quyết tranh chấp kinh doanh; pháp luật về phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã.

### **5. Marketing căn bản**

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Marketing căn bản là học phần cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về marketing, ảnh hưởng của marketing trong doanh nghiệp, xu hướng phát triển và ứng dụng của Marketing trong xu thế toàn cầu hóa, môi trường và thông tin về marketing. Nắm được kiến thức học phần sinh viên có thể phân tích các đặc tính và hành vi của khách hàng, phân đoạn thị trường, xác định thị trường mục tiêu và định vị hàng hóa trên thị trường. Học phần còn giúp cho người học nắm bắt được 4 công cụ chủ yếu trong hoạch định, tổ chức và thực hiện một chương trình marketing hỗn hợp (Marketing - mix): Chính sách sản phẩm (Product), Chính sách giá (Price), Chính sách phân phối (Place) và Chính sách Xúc tiến hỗn hợp (Promotion).

### **6. Tài chính - tiền tệ**

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản như: Tài chính và thị trường tài chính; Tiền tệ, lạm phát, lãi suất, tín dụng và tỷ giá hối đoái; Ngân hàng trung ương; Ngân hàng thương mại; Thanh toán qua ngân hàng thương mại.

### **7. Nguyên lý kế toán 1**

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này mô tả những kiến thức cơ bản của nguyên lý kế toán như khái niệm, bản chất, chức năng vai trò của kế toán, yêu cầu đối với thông tin kế toán, các nguyên tắc kế toán và phân loại đối tượng kế toán; Các phương tiện kế toán như Chứng từ kế toán, Tài khoản kế toán và Báo cáo kế toán.

### **8. Kinh tế quốc tế**

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về đặc điểm và hoạt động của đầu tư quốc tế; những cơ hội thách thức mà các công ty phải đối mặt trong toàn cầu hóa, môi trường kinh doanh quốc tế khi tham gia vào hoạt động kinh doanh toàn cầu, đó là sự đa dạng của môi trường hoạt động với những yếu tố kinh tế, chính trị, văn hóa, pháp luật...

### **9. Nhập môn Ngân hàng thương mại**

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản như: sự ra đời phát triển của ngân hàng thương mại, các nghiệp vụ cơ bản như huy động và sử dụng vốn trong ngân hàng thương mại, các nguyên nhân gây ra rủi ro và biện pháp khắc phục rủi ro của ngân hàng thương mại.

### **10. Thị trường tài chính**

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên các khái niệm cơ bản về thị trường tài chính, công cụ trên thị trường tài chính, các định chế tài chính; đồng thời giải thích các yếu tố tác động đến giá cả của các công cụ tài chính, nghiệp vụ cơ bản của định chế tài chính, kiến thức tài chính – ngân hàng trong nền kinh tế.

### **11. Kinh tế lượng**

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp lượng hoá một mô hình kinh tế, hiểu cơ sở khoa học và kỹ thuật hồi quy đơn biến, đa biến; Giới thiệu một số kỹ thuật cơ bản trong việc sử dụng kinh tế lượng trong việc nghiên cứu và phân tích kinh tế

### **12. Văn hóa doanh nghiệp**

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Tổng quan về văn hóa doanh nghiệp, các biểu hiện và các dạng văn hóa doanh nghiệp, văn hóa ứng xử trong kinh

doanh, đạo đức kinh doanh, xây dựng và duy trì văn hóa doanh nghiệp.

### **13. Kỹ năng giao tiếp**

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần kỹ năng giao tiếp cung cấp cho sinh viên kiến thức, kỹ năng nền tảng về giao tiếp để các em hiểu và bước đầu áp dụng những kỹ năng đó vào hoạt động giao tiếp hàng ngày một cách hiệu quả. Đó là các kiến thức và các hướng dẫn thực hiện về tự nhìn nhận đánh giá bản thân, nhìn nhận những yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động giao tiếp, các cơ chế ảnh hưởng đến hoạt động giao tiếp và đặc biệt là một số kỹ năng giao tiếp để hoạt động giao tiếp trong cuộc sống cũng như trong công việc của các em sinh viên đạt hiệu quả

### **14. Kiểm soát nội bộ**

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về kiểm soát nội bộ, gắn với hoạt động: Tổng quan về kiểm soát nội bộ; Gian lận và biện pháp phòng ngừa gian lận; Khuôn mẫu hệ thống kiểm soát nội bộ theo báo cáo của COSO; Kiểm soát nội bộ đối với các tài sản và các chu trình kinh doanh chủ yếu trong các doanh nghiệp.

### **15. Quản trị tài chính doanh nghiệp**

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: tổng quan về quản trị tài chính doanh nghiệp; quản trị tài sản ngắn hạn; quản trị tài sản dài hạn; nguồn huy động vốn trong doanh nghiệp; chi phí sử dụng vốn và cơ cấu nguồn vốn trong doanh nghiệp.

### **16. Kế toán tài chính 1**

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này trang bị những kiến thức về kế toán tài chính, gắn với hoạt động: vai trò và nhiệm vụ của kế toán, nguyên tắc kế toán, nội dung, yêu cầu, hình thức kế toán trong các doanh nghiệp sản xuất; Kiến thức chuyên sâu về kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương; kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ; kế toán tài sản cố định; kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.

### **17. Quản trị tài chính đơn vị hành chính sự nghiệp**

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Tổng quan về tài chính công và tài chính của đơn vị hành chính - sự nghiệp; Lập dự toán trong đơn vị hành chính - sự nghiệp; Quản trị tài chính trong các đơn vị hành chính - sự nghiệp; Quyết toán nguồn kinh phí NSNN.

### **18. Kế toán quản trị**

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Kế toán quản trị và môi trường kinh doanh; Phân loại chi phí; Hệ thống hạch toán chi phí sản xuất; Hình thái

chi phí; Phân tích chi phí – sản lượng – lợi nhuận; Chi phí biến đổi – công cụ của quản lý; Hạch toán chi phí theo hoạt động; Dự toán sản xuất kinh doanh; Chi phí phù hợp cho việc ra quyết định.

### **19. Thẩm định tài chính dự án đầu tư**

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về hoạt động thẩm định tài chính của một dự án đầu tư với các nội dung chủ yếu là: nguyên tắc và cách xác định dòng tiền của dự án đầu tư; cách xác định giá trị thời gian của tiền bao gồm giá trị tương lai, giá trị hiện tại,... các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả dự án đầu tư, chẳng hạn giá trị hiện tại ròng, tỷ suất hoàn vốn nội bộ,... nguyên tắc và phương pháp xác định lãi suất chiết khấu, đo lường và đánh giá rủi ro dự án đầu tư.

### **20. Phân tích đầu tư chứng khoán**

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về lý luận và thực tiễn cũng như kỹ năng thực hành các nghiệp vụ phân tích và đầu tư chứng khoán. Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về phân tích đầu tư chứng khoán, giúp nhận biết lợi nhuận và rủi ro trong đầu tư chứng khoán, phân tích và định giá chứng khoán. Từ đó giúp sinh viên sau khi ra trường có thể vận dụng kiến thức được học thực hiện tác nghiệp tại các đơn vị, doanh nghiệp.

### **21. Ngân hàng Trung ương và Chính sách tiền tệ**

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Tổng quan các vấn đề về NHTW bao gồm khái niệm, vai trò, mục tiêu và các mô hình của NHTW. Các nghiệp vụ cơ bản của NHTW như: Phát hành tiền, nghiệp vụ tín dụng, thanh toán, ngoại hối. Bên cạnh đó, học phần cung cấp cho sinh viên các khái niệm về chính sách tiền tệ. Các công cụ để thực thi chính sách tiền tệ như: Công cụ lãi suất, tái cấp vốn, dự trữ bắt buộc...

### **22. Kế toán ngân hàng**

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần nghiên cứu các vấn đề lý thuyết cơ bản về kế toán ngân hàng thương mại như đặc trưng kế toán ngân hàng thương mại, chứng từ kế toán, tài khoản kế toán, quy trình và phương pháp hạch toán kế toán các hoạt động kinh doanh của ngân hàng thương mại gồm: Huy động vốn, thanh toán, tín dụng và kinh doanh ngoại tệ.

### **23. Kế toán tài chính 2**

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này trang bị cho người học các kiến thức tổng quát và chuyên sâu về kế toán tài chính áp dụng trong các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh như: Kế toán thành phẩm, tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh; Kế toán đầu tư tài chính và hoạt động khác; Kế toán tài sản bằng tiền; Kế toán các khoản phải thu; Kế toán các khoản nợ

phải trả; Kế toán nguồn vốn chủ sở hữu; Lập và trình bày báo cáo tài chính.

#### **24. Tài chính quốc tế**

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về hoạt động tài chính diễn ra trên bình diện quốc tế với các nội dung chủ yếu là: Tổng quan về thị trường tài chính quốc tế và thị trường ngoại hối, cán cân thanh toán quốc tế, rủi ro trong hoạt động kinh doanh quốc tế, đầu tư quốc tế và quản trị vốn luân chuyển quốc tế.

#### **25. Quản trị ngân hàng thương mại**

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Môn học cung cấp cho người học những kiến thức chung về ngân hàng thương mại và quản trị ngân hàng thương mại (NHTM). Người học được trang bị các phương pháp quản trị hoạt động kinh doanh ở các ngân hàng thương mại: quản trị nguồn vốn và tài sản tại ngân hàng, quản trị tín dụng và quản trị tiền gửi, cũng như các điều kiện an toàn cho hoạt động của ngân hàng từ đó liên hệ với công tác quản trị hoạt động kinh doanh ở các ngân hàng thương mại Việt Nam.

#### **26. Phân tích báo cáo tài chính**

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Tổng quan về phân tích báo cáo tài chính; Diễn giải hệ thống báo cáo tài chính; Phân tích thanh khoản và khả năng thanh toán; Phân tích cấu trúc tài chính và khả năng thanh toán nợ dài hạn; Phân tích hiệu quả kinh doanh và khả năng sinh lời của công ty.

#### **27. Quản trị tài chính doanh nghiệp chuyên sâu**

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức chuyên sâu về quản trị tài chính, giúp người học có thể lựa chọn và đưa ra các quyết định tài chính ở tầm chiến lược. Theo cách tiếp cận này, các quyết định tài chính phải được xem xét dựa trên chiến lược công ty và môi trường tài chính nhằm tối đa giá trị của chủ sở hữu. Các chủ đề của học phần bao gồm: giá trị doanh nghiệp; quyết định đầu tư; cấu trúc vốn; chính sách cổ tức; kế hoạch và dự báo tài chính; tái cấu trúc doanh nghiệp. Môn học kết hợp cả nội dung lý thuyết và thảo luận giải quyết các tình huống cụ thể.

#### **28. Quản trị rủi ro tài chính**

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần cung cấp các nội dung cơ bản về rủi ro tài chính, cách đo lường rủi ro tài chính, mô hình đo lường rủi ro và quá trình quản trị rủi ro tài chính, các biện pháp quản trị rủi ro lãi suất, tín dụng, tỷ giá và thanh khoản. Bên cạnh đó, học phần đề cập đến các công cụ quản trị rủi ro đó là các công cụ tài chính phái sinh.

#### **29. Quản lý ngân hàng điện tử**

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản như: các công nghệ sử dụng trong ngân hàng điện tử, các dịch vụ ngân hàng điện tử. Học phần cũng đưa ra một số hoạt động về quản trị ngân hàng điện tử, giúp sinh viên có thể nắm được những hoạt động quản trị rủi ro trong ngân hàng điện tử

### **30. Thực hành Tài chính – Ngân hàng (theo chủ đề từng khóa đào tạo)**

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức thực tế về các nghiệp vụ tài chính và ngân hàng: lập, phân tích báo cáo tài chính; thẩm định tài chính trong lĩnh vực đầu tư; hỗ trợ ra quyết định tài chính; giao dịch thanh toán cho khách hàng, kinh doanh chênh lệch giá, cấp tín dụng cho khách hàng...

### **31. Tài chính cá nhân**

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Lập kế hoạch tài chính cá nhân; Kế hoạch quản lý dòng tiền cá nhân; Chiến lược tiêu dùng thông minh và các sản phẩm tài chính; Chiến lược đầu tư cá nhân; Kế hoạch hưu trí. Học phần cũng cấp các kiến thức về vấn đề tài chính của mỗi cá nhân và hộ gia đình như: lập kế hoạch tài chính trong ngắn, trung và dài hạn; xây dựng ngân sách chi tiêu, xây dựng và quản lý dòng tiền cá nhân, thiết lập báo cáo tài chính cá nhân và danh mục đầu tư tài sản để bảo đảm mỗi cá nhân và hộ gia đình không gặp vấn đề thanh khoản và đạt được các mục tiêu trong cuộc sống

### **32. Kế toán thuế**

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về kế toán thuế: vai trò và nhiệm vụ của kế toán thuế, các yếu tố cơ bản cấu thành một sắc thuế, kế toán thuế xuất nhập khẩu, kế toán thuế tiêu thụ đặc biệt, kế toán thuế giá trị gia tăng, kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp, kế toán thu nhập cá nhân và các sắc thuế khác.

### **33. Quản trị chiến lược**

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần Quản trị chiến lược cung cấp những kiến thức cơ bản với các nội dung chính: Tổng quan về quản trị chiến lược; Phân tích môi trường kinh doanh; Phân tích môi trường nội bộ doanh nghiệp; Xây dựng lợi thế cạnh tranh; Các loại chiến lược trong kinh doanh; Lựa chọn và thực hiện chiến lược; Đánh giá và điều chỉnh chiến lược.

### **34. Quản trị danh mục đầu tư**

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị danh mục đầu tư như: danh mục đầu tư, quản trị danh mục đầu tư, lợi nhuận và rủi ro của danh mục đầu tư, các lý thuyết quản trị danh mục đầu tư, chiến lược quản trị danh mục đầu tư,

đánh giá hiệu quả quản trị danh mục đầu tư.

### **35. Kiểm toán căn bản**

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về nguyên lý kiểm toán, những hướng dẫn cụ thể qui trình và các bước để thực hiện một cuộc kiểm toán báo cáo tài chính tại đơn vị được kiểm toán.

### **36. Ngân hàng phát triển**

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Nội dung học phần đi sâu tìm hiểu các nghiệp vụ cơ bản của ngân hàng phát triển như huy động vốn từ nhiều nguồn khác nhau để đảm bảo khả năng tài trợ các dự án phát triển có quy mô lớn đòi hỏi nguồn vốn dài hạn và có chi phí bình quân thấp. Nghiên cứu nội dung hoạt động tài trợ cho các dự án phát triển kinh tế - xã hội cũng là một nội dung chủ yếu của học phần, trong đó đi sâu phân tích khía cạnh kinh tế, tài chính dự án mà ngân hàng cần đặc biệt quan tâm

### **37. Thực tập cuối khóa**

Số tín chỉ: 04 tín chỉ

Học phần này trang bị cho sinh viên kinh nghiệm nghiên cứu thực tế các hoạt động tại các tổ chức tín dụng, bộ phận tài chính, kế toán trong doanh nghiệp; giúp người học thực hành kỹ năng nghề nghiệp cũng như rèn luyện thái độ làm việc chuyên nghiệp. Đồng thời vận dụng kiến thức lý thuyết và kỹ năng tư duy đã học để mô tả hoạt động thực tế tại đơn vị thực tập dưới hình thức Báo cáo thực tập tốt nghiệp.

### **38. Khóa luận tốt nghiệp**

Số tín chỉ: 06 tín chỉ

Học phần này giúp người học áp dụng kiến thức lý thuyết đã học và kỹ năng tư duy vào việc nghiên cứu một vấn đề cụ thể gắn với hoạt động tài chính tại ngân hàng, tại các doanh nghiệp và tổ chức khác, cũng như gắn với các hoạt động trong Ngân hàng. Kết thúc học phần, người học báo cáo kết quả nghiên cứu dưới hình thức Khóa luận tốt nghiệp.

### **39. Định giá tài chính doanh nghiệp**

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần nhằm trang bị cho sinh viên nền tảng lý thuyết về định giá trong hoạt động tài chính doanh nghiệp. Sinh viên sẽ được tiếp cận với các phương pháp định giá doanh nghiệp ở mức độ nắm bắt các nội dung phương pháp và các công thức như phương pháp tài sản, phương pháp định giá cổ phiếu, trái phiếu, phương pháp sử dụng dòng tiền tự do đối với doanh nghiệp, dòng tiền tự do đối với vốn chủ sở hữu.

### **40. Quản trị dòng tiền**

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Môn học Quản trị dòng tiền dành cho sinh viên chuyên ngành Tài chính - ngân hàng.

Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về quản trị dòng tiền của doanh nghiệp. Do đó, các nội dung tập trung vào các vấn đề cơ bản trong quản trị doanh nghiệp: khả năng chi trả của doanh nghiệp, khả năng dự báo dòng tiền, lập kế hoạch thu chi và lập kế hoạch dòng tiền, xây dựng mô hình ngân quỹ trong quản trị ngân quỹ và ứng dụng trong quản trị dòng tiền, xử lý ngân quỹ của doanh nghiệp.

#### **41. Toán cao cấp 1**

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp những kiến thức sau: Học phần cung cấp cho sinh viên các khái niệm cơ bản về ma trận, định thức; hệ phương trình tuyến tính; không gian vector và các mối liên hệ tuyến tính trong không gian vector. Học phần cũng cung cấp cách tính định thức, tìm ma trận nghịch đảo, tìm nghiệm của hệ phương trình tuyến tính, tìm hạng, cơ sở của hệ véc tơ và cơ sở của không gian con  $R^n$ .

#### **42. Toán cao cấp 2**

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần gồm 3 chương, chứa đựng các kiến thức cơ bản cần thiết của giải tích và một số ứng dụng trong kinh tế: Dãy số giới hạn của dãy số; hàm số một biến số, giới hạn và tính liên tục; Đạo hàm, vi phân, tích phân của hàm số một biến số; Cực trị của hàm số một biến số; Ứng dụng của đạo hàm, tích phân trong phân tích kinh tế; Hàm số hai biến số; Đạo hàm và vi phân của hàm số hai biến số; Hàm thuần nhất; Cực trị của hàm hai biến số; Ứng dụng của đạo hàm riêng, vi phân trong kinh tế học; Đạo hàm riêng cấp 2 và qui luật năng suất cận biên giảm dần; Hệ số co giãn; Hệ số thay thế.

#### **43. Lý thuyết xác suất và thống kê toán**

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức căn bản về học phần lý thuyết xác suất thống kê nhằm rèn luyện cho người học khả năng tư duy logic, khả năng phân tích, khả năng tính toán định lượng cũng như trang bị cho người học các công cụ, các kỹ năng tính toán phục vụ cho việc học các học phần cơ sở, chuyên ngành.

#### **44. Triết học Mác – Lênin**

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác- Lênin và vai trò của triết học Mác- Lênin trong đời sống xã hội; những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng; những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế- xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.

#### **45. Kinh tế chính trị Mác – Lênin**

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Nội dung học phần bao gồm 6 chương: chương 1 trình bày về đối tượng, phương pháp



nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin. Từ chương 2 đến chương 4 trình bày nội dung cốt lõi của chủ nghĩa Mác –Lênin về hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường. Chương 5 và chương 6 trình bày những vấn đề chủ yếu về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

#### **46. Tư tưởng Hồ Chí Minh**

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần tư tưởng Hồ Chí Minh được cấu trúc thành 6 chương, cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh; Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của dân, do dân và vì dân; Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người.

#### **47. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam**

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam gồm 5 chương: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018); và Chương tổng kết.

#### **48. Chủ nghĩa Xã hội khoa học**

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Nội dung học phần: Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học là chương trình giảng dạy cho sinh viên trình độ đại học của trường Đại học Lao động - Xã hội gồm 7 chương, trình bày nội dung tri thức cơ bản về Chủ nghĩa xã hội khoa học: Nhập môn Chủ nghĩa xã hội khoa học; Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội chủ nghĩa; Cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

#### **49. Pháp luật đại cương**

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức sau: Những vấn đề cơ bản về nhà nước; Những vấn đề cơ bản về pháp luật; Quy phạm pháp luật, văn bản quy phạm

pháp luật; Quan hệ pháp luật; Thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý; Hệ thống pháp luật của nước CHXHCN Việt Nam; Pháp chế xã hội chủ nghĩa; pháp luật về phòng chống tham nhũng.

### **50. Tin học cơ bản 1**

Số tín chỉ: 02

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức đại cương về tin học để có thể làm việc trên máy tính, làm việc với các phần mềm chạy trên nền Hệ điều hành Windows, trang bị kiến thức và rèn luyện kỹ năng soạn thảo và định dạng văn bản bằng Microsoft Word, kỹ năng tính toán, phân tích và tổng hợp dữ liệu bằng Microsoft Excel, Microsoft PowerPoint. Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định hiện hành về Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành hoặc tương đương.

### **51. Tin học cơ bản 2**

Số tín chỉ: 02

Học phần tin học cơ bản 2 nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về cơ sở dữ liệu (Database), cơ sở dữ liệu quan hệ (Relational Database) và một số hệ quản trị cơ sở dữ liệu phổ biến hiện nay.

### **52. Soạn thảo văn bản**

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về văn bản nói chung và văn bản quản lý nhà nước nói riêng; Những yêu cầu về nội dung, thể thức, ngôn ngữ và văn phong của văn bản; Khái niệm, đặc trưng và kỹ thuật soạn thảo Quyết định cá biệt và một số loại văn bản hành chính thông thường.

### **53. Phương pháp luận nghiên cứu khoa học**

Số tín chỉ: 02

Học phần Phương pháp luận nghiên cứu khoa học là chương trình giảng dạy cho sinh viên trình độ đại học của trường Đại học Lao động - Xã hội gồm 8 chương, trình bày những kiến thức cơ bản về nghiên cứu khoa học: Làm rõ các khái niệm liên quan đến các sự vật, hiện tượng mà mình quan tâm; Phán đoán về mối liên hệ giữa các sự vật và hiện tượng; Tư duy nghiên cứu khoa học là tư duy hệ thống; Trình tự logic của nghiên cứu khoa học; Các phương pháp cơ bản để thực hiện nghiên cứu khoa học, nhất là bài báo khoa học và khóa luận tốt nghiệp; Cách tổ chức thực hiện đề tài và đánh giá đề tài; Đạo đức khoa học; Đánh giá nghiên cứu khoa học.

### **54. Logic học**

Số tín chỉ: 02

Học phần Logic học là chương trình giảng dạy cho sinh viên trình độ đại học của Trường đại học Lao động - Xã hội gồm 06 chương, trình bày những kiến thức cơ bản của môn Logic học, trong đó cung cấp những kiến thức sau: đối tượng và ý nghĩa của

Lôgic học, khái niệm, phán đoán, Những quy luật cơ bản của Lôgic hình thức, suy luận, chứng minh, bác bỏ và giả thuyết nhằm rèn luyện và hình thành cho sinh viên thói quen suy nghĩ, lập luận chặt chẽ, rõ ràng, có cơ sở, có hệ thống để đạt tới những tri thức chính xác, khách quan và khoa học từ đó định hướng hoạt động thực tiễn.

### **55. Tâm lý học đại cương**

Số tín chỉ: 02

Tâm lý học đại cương cung cấp cho sinh viên những tri thức khoa học về bản chất, cơ sở tự nhiên và cơ sở xã hội của hiện tượng tâm lý người; Các nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu tâm lý; Khái quát sự hình thành và phát triển tâm lý người; Các tri thức cơ bản về các quá trình nhận thức, trí nhớ, tình cảm, ý chí của con người; Nhân cách và những yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành phát triển nhân cách con người.

### **56. Tiếng Anh cơ bản 1**

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Cung cấp kiến thức tiếng Anh TOEIC cơ bản tương đương trình độ đầu A2 chuẩn châu Âu, với các nội dung: ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp. Luyện giao tiếp bằng tiếng Anh ở mức ban đầu, trao đổi về các vấn đề học tập, cuộc sống, văn hóa, thể thao, công việc...

### **57. Tiếng Anh cơ bản 2**

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Cung cấp kiến thức tiếng Anh TOEIC cơ bản tương đương trình độ A2 chuẩn châu Âu, với các nội dung: ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp. Luyện giao tiếp bằng tiếng Anh ở mức ban đầu, trao đổi về các vấn đề học tập, cuộc sống, văn hóa, thể thao, công việc...

### **58. Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng**

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức, thuật ngữ, từ vựng thông dụng về tiếng Anh chuyên ngành Tài chính- Ngân hàng và ôn tập lại các dạng ngữ pháp cơ bản trong tiếng Anh

### **59. Bóng chuyền 1**

Số tín chỉ: 01

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về kỹ thuật Bóng chuyền như: Kỹ thuật chuyền 1, Kỹ thuật chuyền 2, Kỹ thuật phát bóng.

### **60. Bóng chuyền 2**

Số tín chỉ: 01

Học phần này trang bị những kiến thức nâng cao về kỹ thuật Bóng chuyền như: Kỹ thuật chuyền 1, Kỹ thuật chuyền 2, Kỹ thuật phát bóng.

### **61. Bóng rổ 1**

Số tín chỉ: 01

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về kỹ thuật Bóng rổ như: Kỹ thuật dẫn bóng, Kỹ thuật chuyền bóng, Kỹ thuật dẫn bóng hai bước lên rổ một tay trên cao, Kỹ thuật tại chỗ ném rổ.

### **62. Bóng rổ 2**

Số tín chỉ: 01

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về luật thi đấu Bóng rổ, cách thức phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài, tập luyện các kỹ thuật Bóng rổ một cách thuần thục hình thành nên kỹ năng kỹ xảo vận động như: Kỹ thuật dẫn bóng, Kỹ thuật chuyền bóng, Kỹ thuật dẫn bóng hai bước lên rổ một tay trên cao, Kỹ thuật tại chỗ ném rổ.

### **63. Cờ vua 1**

Số tín chỉ: 01

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về:

- Nguồn gốc ra đời của môn cờ vua.
- Lịch sử hình thành, phát triển của môn cờ vua trên thế giới và Việt Nam
- Xu hướng phát triển, tác dụng của môn cờ vua trên thế giới và Việt Nam
- Giai đoạn tàn cuộc của ván đấu.
- Một số điều luật trong cờ vua.

### **64. Cờ vua 2**

Số tín chỉ: 01

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản

- Ôn tập nội dung chính của Cờ vua 1
- Giai đoạn khai cuộc của ván đấu.
- Một số điều luật trong cờ vua.

### **65. Cờ vua 3**

Số tín chỉ: 01

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về:

- Ôn tập nội dung chính của cờ vua 2 và một phần cờ vua 1
- Giai đoạn trung cuộc của ván đấu.
- Một số điều luật trong cờ vua.

### **66. Cầu lông 1**

Số tín chỉ: 01

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về kỹ thuật Cầu lông như: Cách cầm cầu, cách cầm vợt, các tư thế chuẩn bị cơ bản, kỹ thuật di chuyển, kỹ thuật giao cầu, kỹ thuật đánh cầu thấp tay phải trái.

### **67. Cầu lông 2**

Số tín chỉ: 01

Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về luật thi đấu Cầu lông, cách thức phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài, tập luyện các kỹ thuật Cầu lông một cách thuần thực hình thành nên kỹ năng kỹ xảo vận động như: Kỹ thuật di chuyển, Kỹ thuật giao cầu, Kỹ thuật đánh cầu cao sâu phải trái.

### **68. Thể dục – Điền kinh**

Số tín chỉ: 01

Học phần trang bị cho sinh viên kỹ năng vận động về:

- Bài tập phát triển chung 13 động tác.
- Kỹ thuật nhảy cao kiểu úp bụng; Luật thi đấu môn nhảy cao.

### **69. Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng Sản Việt Nam**

Số tín chỉ: 03

Học phần nghiên cứu những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh; Nghệ thuật quân sự Việt Nam; Xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển đảo, biên giới, xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên; Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc và những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự an toàn xã hội.

### **70. Công tác quốc phòng an ninh**

Số tín chỉ: 02

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Phòng, chống chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam; Một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo, đấu tranh phòng chống các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; Phòng chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, bảo đảm trật tự an toàn giao thông và phòng chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác, an ninh phi truyền thống và đấu tranh phòng chống các đe dọa an ninh phi truyền thống và vi phạm pháp luật trên không gian mạng ở Việt Nam.

### **71. Quân sự chung**

Số tín chỉ: 01

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức sau: Những nội dung cơ bản về quân sự, an ninh: hiểu biết về lịch sử ra đời, truyền thống của các quân binh chủng trong quân đội; các chế độ sinh hoạt, công tác trong ngày, tuần, các nề nếp chính quy trong đơn vị quân đội; hiểu biết và biết cách sử dụng bản đồ địa hình quân sự; hiểu biết về vũ khí công nghệ cao và cách phòng chống trong chiến tranh; rèn luyện và thi đấu ba môn quân sự phối hợp.

### **72. Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật**

Số tín chỉ: 01

Học phân cung cấp cho sinh viên các kiến thức sau: Tính năng, cấu tạo, quy tắc sử dụng súng, lựu đạn. Trình tự các bước thực hành ngắm bắn và trình tự các bước thực hành ném lựu đạn. Kỹ thuật, chiến thuật trong chiến đấu tiến công, phòng ngự và cảnh giới.

## **2.9. Đối sánh CTĐT với Trường Đại học trong và ngoài nước đã tham khảo**

### **2.9.1. Tên các chương trình đào tạo tham khảo**

Trong quá trình xây dựng chương trình đào tạo ngành Tài chính – Ngân hàng, Nhà trường đã tham khảo một số chương trình đào tạo trong và ngoài nước. Cụ thể như sau:

- **Các chương trình trong nước:**

- Chương trình đào tạo cử nhân chính quy ngành Ngân hàng, ĐH Kinh tế quốc dân Trường
- Chương trình đào tạo cử nhân chính quy ngành Tài chính Ngân hàng, Trường Đại học Kinh tế - Luật, Đại học Quốc gia TP HCM.

- **Các chương trình nước ngoài**

- Chương trình đào tạo cử nhân ngành Tài chính – ngân hàng, Đại học Monash, Australia (<http://www.monash.edu>)
- Chương trình đào tạo cử nhân ngành Tài chính – Ngân hàng, Đại học Lincoln, Mỹ ([https://www.lincoln.ac.uk/home/course/banfinub/?utm\\_source=Keystone&utm\\_campaign=Keystone&utm\\_medium=ReadMoreSchoolWebsiteCTA](https://www.lincoln.ac.uk/home/course/banfinub/?utm_source=Keystone&utm_campaign=Keystone&utm_medium=ReadMoreSchoolWebsiteCTA))

## 2.9.2. So sánh các chương trình đào tạo

**Bảng 2.9. Đối sánh chương trình đào tạo với các cơ sở đào tạo trong nước**

<b>Trường tham khảo</b>	<b>Tương thích về cấu trúc và nội dung</b>	<b>Chương trình tham khảo</b>	<b>Chương trình đào tạo Tài chính – Ngân hàng, ULSA</b>	<b>Mức độ tương đồng</b>
<b>Trường ĐH Kinh tế quốc dân</b>	<b>Cấu trúc</b>	Số lượng tín chỉ: 129 TC (không bao gồm GDTC và QPAN)  44 TC Giáo dục đại cương:  85 TC Kiến thức giáo dục chuyên ngành	121 TC (không bao gồm GDTC và QPAN)  Cụ thể: - 28 TC Kiến thức cơ bản ngành - 23 TC Kiến thức cơ sở ngành cốt lõi - 36 TC Kiến thức cơ sở ngành nâng cao, phương pháp và công cụ - 10 TC Thực tập và TN	Chương trình của trường ít hơn 2 TC.  Số lượng tín chỉ ít hơn tập trung vào nhóm hỗ trợ nên về cơ bản là tương đồng.
	<b>Nội dung</b>	Các học phần có tên gọi khác:  Toán Tài chính  Chuyên đề Marketing Ngân hàng  Tài chính vi mô  Tài chính công ty đa quốc gia	Có các học phần khác:  Kinh tế lượng  Kinh tế phát triển  Logistics  Phần mềm QTKD  Thương mại điện tử	Về cơ bản, số học phần giống nhau của hai chương trình chiếm từ 80-85% trong hai phần kiến thức đại cương và

Trường tham khảo	Tương thích về cấu trúc và nội dung	Chương trình tham khảo	Chương trình đào tạo Tài chính – Ngân hàng, ULSA	Mức độ tương đồng
		Quản lý tài sản công Hành vi người tiêu dùng Quản trị quan hệ khách hàng	Quản trị rủi ro kinh doanh	chuyên ngành. Tuy nhiên chương trình tham khảo có nhiều môn hơn nhưng nằm chủ yếu ở phần tự chọn.
<b>Trường Đại học Kinh tế - Luật, Đại học Quốc gia TP.HCM</b>	<b>Cấu trúc</b>	130 TC 38 TC giáo dục đại cương 32 TC Cơ sở khối ngành 52 TC Kiến thức ngành chính 8 TC thực tập cuối khóa 20 TC khối kiến thức ngoại ngữ	121 TC (không bao gồm GDTC và QPAN) Cụ thể: - 28 TC Kiến thức cơ bản ngành - 23 TC Kiến thức cơ sở ngành cốt lõi - 36 TC Kiến thức cơ sở ngành nâng cao, phương pháp và công cụ - 10 TC Thực tập và TN	Chương trình của trường ít hơn 9 TC. Số lượng tín chỉ ít hơn tập trung vào nhóm ngoại ngữ và các học phần tự chọn tự do nên về cơ bản là tương đồng.
	<b>Nội dung</b>	Về tên gọi các môn học khác biệt: Lập mô hình tài chính	Các học phần có tên khác: Luật kinh tế	Trừ những học phần của trường tham



Trường tham khảo	Tương thích về cấu trúc và nội dung	Chương trình tham khảo	Chương trình đào tạo Tài chính – Ngân hàng, ULSA	Mức độ tương đồng
		<p>trong excel</p> <p>Phân tích tài chính theo tình huống</p> <p>Tài chính định lượng</p> <p>Đạo đức trong kinh doanh TCNH</p> <p>Nhập môn ngành tài chính Ngân hàng</p>	<p>Ngân hàng phát triển</p> <p>Ngân hàng trung ương và chính sách tiền tệ</p> <p>Quản trị tài chính đơn vị sự nghiệp</p>	<p>khảo bổ sung về ngoại ngữ và các học phần bổ trợ thì số học phần giống nhau của hai chương trình chiếm từ 85-90% trong hai phần kiến thức đại cương và chuyên ngành.</p> <p>Số lượng môn của chương trình tham khảo có nhiều môn hơn tập trung ở phần ngoại ngữ và kiến thức bổ trợ.</p>

**Bảng 2.10. Đối sánh chương trình đào tạo với các cơ sở đào tạo nước ngoài**

<b>Chương trình</b>	<b>Tương thích về cấu trúc và nội dung</b>	<b>Chương trình đào tạo tham khảo</b>	<b>Chương trình đào tạo Kế toán - ULSA</b>	<b>Mức độ giống nhau</b>
<b>Trường Đại học Monash, Australia</b>	<b>Cấu trúc</b>	Tổng số tín chỉ: 144 chỉ tập trung cho khối kiến thức nền tảng và nâng cao của ngành	Tổng số tín chỉ: 121 chia thành khối kiến thức nền tảng, nâng cao của ngành và đại cương	Nhiều hơn 5 môn
	<b>Nội dung</b>	Về những môn học khác biệt: Thống kê kinh doanh, Kế toán cho giám đốc, Hành vi tổ chức	Ngân hàng trung ương và chính sách tiền tệ, Ngân hàng phát triển, quản trị rủi ro tài chính	Nhìn chung các môn thuộc chuyên ngành giống nhau 80%. Do chương trình tham khảo không có khối kiến thức đại cương
<b>Trường Đại học Lincoln</b>	<b>Cấu trúc</b>	Chỉ tập trung cho khối kiến thức nền tảng và nâng cao của ngành	Có các môn giáo dục đại cương  Kiến thức chuyên ngành và các môn học chuyên ngành sâu Tài chính – Ngân hàng	Giống nhau về kết cấu các môn chuyên ngành Số môn chuyên ngành ít hơn ULSA Kiến thức chuyên ngành giống 70%. ULSA trang bị cho sinh viên những kiến thức về ngân hàng phát triển, Ngân hàng Trung ương và chính sách tiền tệ, Quản trị rủi ro Tài chính

	<b>Nội dung</b>	<p>Năm 1: hành vi tổ chức, Nguyên lý kinh tế, Nguyên lý marketing, Quỹ đầu tư điều hành bởi sinh viên năm 1</p> <p>Năm 2: các vấn đề ngắn hạn trong Ngân hàng, Quản trị tài chính, Thị trường &amp; các tổ chức tài chính, Các vấn đề cơ bản về KTL, Kinh tế quốc tế, Môi trường kinh tế vĩ mô cho DN, Tiền tệ, Ngân hàng và TTTC, Quỹ đầu tư điều hành bởi sinh viên năm 2, Thực tập</p> <p>Năm 3: QTTCDN nâng cao, Kế hoạch tài chính cá nhân, Quản trị Dịch vụ &amp; Tài sản khách hàng cá nhân, Tài chính hành vi và nền kinh tế, Lý thuyết trò chơi và nghệ thuật ra quyết định, Quỹ đầu tư điều hành bởi sinh viên năm 3</p>	<p>Quản trị tài chính doanh nghiệp.</p> <p>Quản trị tài chính doanh nghiệp nâng cao,</p> <p>Thị trường tài chính</p> <p>Tài chính cá nhân</p>	
--	-----------------	--	---	--

### **III. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

Chương trình đào tạo này được áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2021. Chương trình đào tạo được thực hiện theo kế hoạch giảng dạy của Nhà trường.

Các học phần được phân công giảng dạy bởi các khoa quản lý học phần và được giảng dạy theo đề cương chi tiết học phần thống nhất đã được phê duyệt. Tất cả các hoạt động giảng dạy và đánh giá thực hiện phù hợp với đặc tả trong chương trình đào tạo.

Việc tổ chức giảng dạy, kiểm tra, đánh giá học phần được thực hiện theo các quy chế đào tạo theo tín chỉ và các quy định có liên quan hiện hành của Trường Đại học Lao động – Xã hội.

Trưởng khoa Kế toán, Trưởng phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế chịu trách nhiệm tổ chức, hướng dẫn các nguyên tắc để phát triển đề cương chi tiết nhằm đảm bảo mục tiêu, nội dung và các yêu cầu được đáp ứng, đồng thời thỏa mãn được nhu cầu người học và xã hội. Dựa trên đề cương chi tiết học phần, Trưởng khoa đề xuất các điều kiện phục vụ cho công tác đào tạo về đội ngũ, trang thiết bị, quan hệ doanh nghiệp, thực tập.

Chương trình đào tạo được rà soát cập nhật mỗi năm (chính sách tuyển sinh, tài liệu học tập, cải tiến phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá) và rà 02 năm một lần (điều chỉnh thay đổi số lượng tín chỉ, thêm hoặc bớt học phần) để đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan.

**HIỆU TRƯỞNG**

(Đã ký)

**TS. Hà Xuân Hùng**